

BỘ TÀI CHÍNH

VĂN KIẾN CHƯƠNG TRÌNH

HỖ TRỢ TƯ VẤN VÀ PHÂN TÍCH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TẠI VIỆT NAM (CHƯƠNG TRÌNH AAA)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:

- Tên tiếng Việt: Chương trình Hỗ trợ tư vấn và phân tích quản lý tài chính công tại Việt Nam (Chương trình AAA).

- Tên tiếng Anh: Vietnam Public Financial Management Analytical and Advisory Assistance Program (PFM AAA Trust Fund).

2. Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ:

- Chính phủ Thụy Sĩ (thông qua Cục Kinh tế liên bang Thụy Sĩ - SECO), Chính phủ Ca-na-đa (thông qua Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada - DFATD) đồng tài trợ ủy thác qua Ngân hàng thế giới (WB).

3. Cơ quan chủ quản và chủ dự án: Bộ Tài chính

a) Địa chỉ liên lạc: số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

b) Số điện thoại/FAX: điện thoại: 22202828; FAX: 22208010.

4. Thời gian thực hiện Chương trình: trong giai đoạn từ 2016 – 2020, kể từ ngày Thỏa thuận tài trợ Chương trình AAA có hiệu lực.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Bộ Tài chính

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự phù hợp và các đóng góp của Chương trình vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương:

- Định hướng nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội 2016 – 2020 và giai đoạn tới của Chính phủ là tập trung tăng cường hiệu quả của các chính sách tài khóa gắn với thực hiện cơ cấu lại thu - chi ngân sách, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách nhà nước (NSNN).

- Nội dung quan trọng trong Chiến lược tài chính đến năm 2020 là cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công và nguồn đảm bảo. Mục tiêu là cải thiện chi tiêu công theo định hướng đầu ra/kết quả, cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải

trình trong sử dụng ngân sách và trao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp như trường học, bệnh viện và các đơn vị cung cấp dịch vụ trực tiếp cho người dân để các đơn vị đó hoạt động tốt hơn. Để thực hiện được những mục tiêu này, việc tiến hành các cải cách căn bản về các quy trình và hệ thống quản lý tài chính công (QLTCC) được thừa nhận là điều kiện cần thiết.

- Trong hai thập kỷ qua Việt Nam đã đạt được những bước tiến lớn về tăng trưởng kinh tế, qua đó phần nào cải thiện được các nguồn lực được triển khai nhằm cung cấp những dịch vụ công quan trọng. Tuy nhiên, Chiến lược phát triển ngành tài chính cũng đã ghi nhận rằng mặc dù chi tiêu đã tăng đáng kể, nhưng điều đó không phải lúc nào cũng đồng hành với việc chất lượng chi tiêu được cải thiện nhằm hỗ trợ cho các chính sách được triển khai tốt hơn, hay giúp hỗ trợ các dịch vụ công ích được hiệu quả và có tác động nhiều hơn.

- Năm 2013, Chính phủ đã chủ trì cùng với một số đối tác phát triển thực hiện rà soát và kiểm tra khách quan hệ thống QLTCC, qua sử dụng hệ thống chấm điểm Chi tiêu công và trách nhiệm giải trình tài chính (PEFA) nhằm so sánh đối chiếu những điểm mạnh và điểm yếu của các hệ thống QLTCC. Kết quả cho thấy, đã có những bước tiến đáng kể trong việc cải thiện hiệu quả của các hoạt động và các hệ thống QLTCC, tuy nhiên cũng còn nhiều nội dung cần được cải thiện.

- Một số nội dung đánh giá về QLTCC được ghi nhận là đạt điểm số thấp hơn rơi vào bốn nhóm chính dưới đây. Mỗi nội dung trong đó đều có mối quan hệ rõ ràng đến chất lượng thực hiện và hiệu quả chi tiêu.

- (i) Sự gắn kết giữa kế hoạch và ngân sách;
- (ii) Hiệu quả kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách;
- (iii) Việc cung cấp thông tin ngân sách có chất lượng;
- (iv) Hiệu quả của các hệ thống nhằm đảm bảo ổn định tình hình ngân sách và quản lý rủi ro.

- Ngân sách có khả năng trở thành một trong những công cụ quan trọng nhất để lập kế hoạch triển khai chính sách và đảm bảo các chính sách có đủ nguồn lực thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay mối quan hệ giữa các chính sách, kế hoạch chiến lược nhằm thực hiện những chính sách đó, và ngân sách cần thiết để đảm bảo nguồn lực cho việc triển khai chưa có sự gắn kết chặt chẽ. Quy trình ngân sách chỉ tập trung hẹp vào một năm sắp tới, và sự gắn kết giữa chi đầu tư và chi thường xuyên để cải thiện về dịch vụ còn yếu.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về chấp hành ngân sách và thực hiện chi tiêu hiện đã đầy đủ, song vẫn có những thiếu sót về kiểm soát ghi chép cam kết chi và định hướng cam kết chi theo các mục tiêu chính sách. Các thủ tục mua sắm đấu thầu khu vực công đã được cải thiện, nhưng không phải lúc nào cũng minh bạch và theo hướng cạnh tranh mở. Việt Nam cũng đang trong quá trình thay đổi cách thức điều hành các dịch vụ sự nghiệp, song các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện ngân sách không phải lúc nào cũng theo kịp với tốc độ thay đổi

nhằm đảm bảo nguồn lực được sử dụng hiệu quả và hiệu suất, hạn chế thất thoát qua những hành vi tư lợi hoặc tham nhũng.

- Thông tin về tình hình sử dụng các nguồn lực của khu vực công trong thực tế đã được cải thiện, song vẫn chưa đủ ở mức cần thiết để các cán bộ điều hành ngân sách giám sát đầy đủ được tiến độ trong quá trình thực hiện ngân sách và để lãnh đạo cấp trên, Quốc hội và người dân nói chung đảm bảo trách nhiệm giải trình của họ về cách thức sử dụng những nguồn lực đó. Các biểu mẫu báo cáo hiện chưa thuận lợi, chưa được hiệu chỉnh phù hợp cho các mục đích sử dụng khác nhau, các chuẩn mực về lập báo cáo chưa được áp dụng nhất quán, gây khó khăn cho việc diễn giải báo cáo. Qua triển khai các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) hiện đại, Việt Nam hiện đã có cơ hội để chỉnh sửa về những vấn đề đó.

- Việt Nam là một quốc gia tăng trưởng nhanh và năng động, vì vậy, điều quan trọng là phải có các quy trình quản lý rủi ro vững chắc. Chính tốc độ phát triển nhanh chóng và việc mở cửa đón nhận những áp lực bên ngoài khiến cho quốc gia trở nên dễ bị tổn thương bởi những biến động lên xuống, gây ảnh hưởng đến khả năng huy động nguồn lực cho chi tiêu công. Nguy cơ dễ tổn thương đó khó có thể được loại bỏ hoàn toàn vì việc cung cấp dịch vụ công là một việc phức tạp. Tuy nhiên, nếu dễ khả năng dễ tổn thương đó tác động trực tiếp đến việc cung cấp nguồn lực cho các dịch vụ công, sẽ ảnh hưởng đến cả hiệu suất và hiệu quả cung cấp dịch vụ. Bằng chứng trong những năm gần đây cho thấy các hệ thống nhằm dự báo rủi ro và triển khai các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động rủi ro phát sinh còn yếu.

- Đánh giá PEFA được thực hiện tại Việt Nam cho thấy Việt Nam đã đạt được những tiến triển đáng kể trong việc cải thiện các hệ thống QLTCC. Những nội dung còn dễ bị tổn thương nêu trên chỉ thuộc về 8 trong số 27 chỉ số về hiệu quả hoạt động của khung đánh giá PEFA, nhưng tất cả có một đặc điểm chung là đều liên quan đến các kết quả đạt được qua chi tiêu công. Chiến lược phát triển ngành tài chính của Chính phủ đang tập trung cải thiện những kết quả đó qua:

- (i) Gắn kết tốt hơn giữa kế hoạch và ngân sách trong bối cảnh trung hạn;
- (ii) Nâng cao hiệu quả thực hiện ngân sách qua cải thiện về quản lý, giám sát chất lượng và tiến độ;
- (iii) Cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ cán bộ điều hành ngân sách và những người đảm bảo trách nhiệm giải trình về ngân sách; và
- (iv) Xác định và quản lý những rủi ro không thể tránh khỏi của một nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

- Bản thân việc giải quyết những vấn đề trên để cải thiện không đảm bảo nâng cao được hiệu quả chi tiêu công như mục tiêu của Chính phủ vì giải quyết những vấn đề trên không xử lý được một số khía cạnh chính sách. Nhưng rõ ràng, việc giải quyết những vấn đề đó là một bước đi quan trọng nhằm đạt được mục tiêu quan trọng là cải thiện việc cung cấp dịch vụ và sử dụng nguồn lực công.

- Sau khi chủ trì thực hiện đánh giá PEFA, qua các tiêu chí khách quan được phản ánh trong khung điểm số PEFA, Chính phủ đã quán triệt về kết quả đánh giá và hàm ý chính sách của kết quả đó. Bộ Tài chính đã chủ động xác định các đề xuất nhằm đem lại những cải thiện trong 4 nhóm vấn đề nêu trên. Bộ Tài chính đã lập đề xuất không chỉ liên quan đến hoạt động kỹ thuật mà còn nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động, được đo lường bằng khả năng đem lại tác động nâng cao chất lượng chi tiêu. Cơ sở của chương trình hỗ trợ đề xuất hiện nay là để giúp Bộ Tài chính triển khai các đề án của mình đồng thời duy trì trọng tâm tác động nhằm vào hiệu quả chi tiêu.

2. Mỗi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình:

Trong giai đoạn vừa qua, với tầm quan trọng của QLTCC, Bộ Tài chính đã nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của nhiều nhà tài trợ đa phương, song phương và các tổ chức tài chính quốc tế thông qua các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và các hoạt động tư vấn phân tích. Các hỗ trợ đều nhằm mục đích trực tiếp thực hiện các cải cách và phát triển của ngành tài chính, hiện đại hoá công tác QLTCC trong lĩnh vực như: Quản lý chi ngân sách; Quản lý thu ngân sách (thuế và hải quan); Quản lý nợ, bao gồm nợ trong nước và nợ nước ngoài; Quản lý tài chính doanh nghiệp; Quản lý tài sản công; Quản lý giá,... Mỗi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của Chương trình AAA như sau:

- Các hỗ trợ tư vấn phân tích của WB và các đối tác phát triển: Các Báo cáo Đánh giá chi tiêu công (PER 2000, 2004) và Đánh giá Chi tiêu công và Trách nhiệm giải trình tài chính (PEFA 2012) đã giúp Việt Nam đánh giá lại vai trò công tác quản lý tài chính công trong hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đã đưa ra những khuyến nghị về các bước cải cách tiếp theo. Chương trình AAA dự kiến phối hợp với WB hỗ trợ Chính phủ trong khâu hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố báo cáo Đánh giá chi tiêu công tiếp theo và thực hiện Đánh giá PEFA lặp lại.

- Dự án Cải cách QLTCC (2003-2013) sử dụng vốn ODA vay của WB và vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Anh (DFID) nhằm hiện đại hóa công tác quản lý NSNN từ khâu lập kế hoạch, thực hiện ngân sách, báo cáo ngân sách và tăng cường trách nhiệm quản lý và giải trình ngân sách của Bộ Tài chính; nâng cao tính minh bạch trong QLTCC; hạn chế tiêu cực trong sử dụng ngân sách; đảm bảo an ninh tài chính trong quá trình phát triển và hội nhập của quốc gia; tăng cường sự gắn kết giữa yêu cầu quản lý ngân sách với các mục tiêu tài chính phát triển, với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thông qua việc xây dựng kế hoạch tài chính và chỉ tiêu trung hạn; tăng cường năng lực quản lý nợ nhà nước của Chính phủ tại Bộ Tài chính. Dự án đã kết thúc và đạt được các kết quả chính có liên quan, gồm: hoàn thành triển khai diện rộng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách, kho bạc (TABMIS); hoàn thành việc triển khai thí điểm kế hoạch tài chính, kế hoạch chi tiêu trung hạn tại 04 địa phương và 06 bộ ngành; hỗ trợ xây dựng mô hình, lộ trình phát triển Hệ thống thông tin tài chính Chính phủ (GFMIS),... Trên cơ sở kết quả đạt được của Dự án Cải cách QLTCC, Chương trình AAA tiếp tục hỗ trợ triển khai

các nội dung như: (1) Cải thiện về lập và cung cấp thông tin tài chính chất lượng cao cho đối tượng sử dụng dữ liệu rộng hơn qua phát triển thêm kho dữ liệu lấy thông tin từ TABMIS; (2) Dựa trên hoạt động thí điểm phương thức lập Kế hoạch tài chính trung hạn (MTFF) và Kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTEF) tại Dự án Cải cách QLTTCC, Chương trình cũng dự kiến phối hợp với Dự án EU- PFMO trong việc hỗ trợ xây dựng MTFF và cải thiện các kỹ thuật dự báo.

- Dự án Quỹ Tín thác đa bên các nhà tài trợ giai đoạn 1 (MDTF 1) từ năm 2003-2007 và Quỹ Tín thác đa bên các nhà tài trợ giai đoạn 2 (MDTF 2) từ năm 2009-2013 sử dụng tài trợ của các Đối tác phát triển (Canada, Đan mạch, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Anh, Úc và Ủy ban Châu Âu - EC) ủy thác qua WB quản lý. Với Mục tiêu tổng thể là hỗ trợ Việt Nam tăng cường năng lực đề: Tăng cường sự phối hợp và minh bạch trong quản lý tài chính công; Tăng cường huy động nguồn thu ngân sách; và Lập, triển khai thực hiện và áp dụng các chính sách và qui trình cải cách QLTTCC cho các lĩnh vực ưu tiên trong QLTTCC. Dự án đã hỗ trợ thực hiện các chiến lược cải cách, phát triển của Bộ Tài chính được nêu trong Tài liệu duy nhất bao gồm lĩnh vực quản lý chi NSNN, quản lý thu NSNN, quản lý nợ chính phủ, quản lý tài sản nhà nước và quản lý giá,...Tiếp nối các kết quả đạt được từ MDTF, Chương trình AAA sẽ tiếp tục hỗ trợ các nội dung cải cách tập trung nhằm nâng cao hiệu quả chi tiêu công.

- Dự án Hợp phần 2 thuộc Chương trình EU- PFMO: Hỗ trợ cải thiện khung pháp lý, tổ chức và quy định cho việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN ở cấp trung ương và địa phương (PFMO) do Liên minh Châu Âu (EU) tài trợ ủy thác qua Cơ quan hợp tác quốc tế Liên bang Đức (GIZ) quản lý. Dự án được triển khai từ 2015 đến 2019 nhằm cải thiện khung pháp lý, tổ chức và quy định cho việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN ở cấp trung ương và địa phương nhằm góp phần cải thiện hoạt động quản lý và giám sát tài chính công Việt Nam. Dự án tập trung vào việc triển khai các nội dung: (i) Hỗ trợ xây dựng Luật NSNN sửa đổi và các văn bản hướng dẫn theo hướng cải thiện việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN phù hợp hơn với thông lệ quốc tế; tăng cường phân cấp tài khóa, hỗ trợ tăng cường năng lực quản lý quỹ công của chính quyền địa phương, tập trung vào các tỉnh nghèo nhất có đông dân tộc thiểu số; tạo cơ sở pháp lý nền tảng cho việc xây dựng Kế hoạch tài khóa trung hạn; (ii) Tăng cường năng lực cho các cán bộ tài chính trung ương và địa phương về lập kế hoạch và thực hiện ngân sách, phân cấp ngân sách, dự báo thu ngân sách. Chương trình AAA cũng dự kiến phối hợp với Dự án EU- PFMO trong việc hỗ trợ xây dựng MTFF và cải thiện các kỹ thuật dự báo. Trong đó hoạt động xây dựng kế MTFF và cải thiện các kỹ thuật dự báo sẽ được hỗ trợ chính từ Dự án EU-PFMO, Chương trình AAA sẽ cung cấp chuyên tư vấn quốc tế và nguồn lực khi cần, đồng thời sẽ tiếp tục hỗ trợ nội dung này sau khi Dự án EU-PFMO kết thúc.

3. Sự cần thiết của Chương trình (Những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ Chương trình)

- Chương trình chủ yếu nhằm hỗ trợ tăng cường năng lực cho các cơ quan của Bộ Tài chính trong phân tích, xây dựng chính sách pháp luật. Các hoạt động chủ yếu của Chương trình là sử dụng tư vấn của các chuyên gia quốc tế và trong

nước, các hoạt động khảo sát, nghiên cứu học tập ở nước ngoài hoặc cung cấp kinh phí cho cán bộ đi đào tạo tại nước ngoài. Các hoạt động này đóng vai trò quan trọng đặc biệt khi quá trình cải cách đòi hỏi nhiều kiến thức mới và kinh nghiệm quốc tế trong bối cảnh ngân sách của Việt Nam chưa thể đáp ứng được toàn bộ các nhu cầu này. Trong giai đoạn vừa qua và trong thời gian tới có nhiều đối tác phát triển đã và đang có sự quan tâm các hỗ trợ về nội dung QLTCC, trong đó có các đối tác phát triển có thể mạnh và kinh nghiệm trong lĩnh vực QLTCC. Qua đó cho thấy việc triển khai thực hiện Chương trình thông qua việc sử dụng nguồn vốn ODA không hoàn lại của các đối tác phát triển là phù hợp.

- Chương trình dự kiến nhằm đem lại tác động lớn về khả năng các hệ thống quản lý tài chính công của Việt Nam có vai trò tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công và chất lượng dịch vụ công dựa trên các mục tiêu chiến lược của Chính phủ. Cụ thể là cải thiện trong 04 lĩnh vực chính mà so sánh theo chuẩn mực quốc tế cho thấy những cải thiện về thông lệ và hệ thống có thể đem lại hiệu quả cao nhất và đồng thời hỗ trợ nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình của những người lập dự toán, quản lý và thực hiện chi tiêu công ở tất cả các cấp. Bao gồm:

- (i) Cải thiện sự gắn kết giữa kế hoạch và ngân sách;
- (ii) Cải thiện hiệu quả kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách;
- (iii) Cải thiện về cung cấp thông tin ngân sách đảm bảo chất lượng;
- (iv) Các hệ thống hiệu quả nhằm đảm bảo ổn định ngân sách, xác định và quản lý rủi ro tài khoá.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ

1. Tính phù hợp của Chương trình với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ:

- Trong quá trình Việt Nam trở thành một quốc gia thu nhập trung bình (MIC), các đối tác phát triển đã thay đổi về ưu tiên hỗ trợ, trong đó, nhiều đối tác song phương đang rút khỏi Việt Nam hoặc dần giảm bớt sự quan tâm đối với các nội dung về QLTCC. Trong thời gian tới, một số đối tác phát triển dự kiến vẫn tích cực hỗ trợ về QLTCC, bao gồm EU, GIZ, SECO và ở mức độ thấp hơn là Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Hỗ trợ của các đối tác phát triển dự kiến sẽ chỉ hạn chế ở mức nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật còn nguồn vốn của WB chủ yếu sẽ dành để đáp ứng các nhu cầu đầu tư.

- Sự phối hợp giữa các đối tác phát triển trong lĩnh vực QLTCC đã được coi là một thành tích tốt. Hội nghị Nhóm đối tác QLTCC do Bộ Tài chính chủ trì được tổ chức hai lần một năm, là cơ sở cho đối thoại chính sách cấp cao về những ưu tiên cải cách cũng như để cập nhật thường xuyên về tiến độ cải cách QLTCC và sự hỗ trợ của các đối tác phát triển. Những nỗ lực hỗ trợ kỹ thuật phối hợp, chẳng hạn qua Quỹ MTDF 1 và MTDF 2, đã giúp huy động được lợi thế cạnh tranh của các đối

tác phát triển nhằm hỗ trợ Bộ Tài chính, dựa trên sự quan tâm kịp thời của Bộ Tài chính đối với những thách thức trong quá trình cải cách, giảm chi phí giao dịch trong việc tổ chức các hoạt động ở cả hai phía. Trong thời gian tới, điều quan trọng là phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhóm đối tác phát triển chính nhằm tạo sự cộng hưởng trong hỗ trợ và tránh sự trùng lặp có thể xảy ra.

- Phù hợp với chiến lược trong khu vực và toàn cầu: Nhóm Ngân hàng Thế giới (WBG) cũng như khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) từ lâu đã ghi nhận rằng những yếu kém về thể chế của khu vực công, hạn chế về minh bạch và yếu kém trong quản lý nguồn lực công là nguyên nhân gây cản trở cho những nỗ lực nhằm chấm dứt nghèo khổ bền vững và đẩy mạnh phát triển công bằng. Chính vì vậy, thách thức ưu tiên trong lĩnh vực quản trị ở khu vực là tăng cường hiệu quả của các thể chế công, đặc biệt tập trung vào quản lý tài chính công, nâng cao minh bạch và khả năng đáp ứng cũng như cải thiện về quản lý nguồn lực công nói chung. Việc tăng cường các thể chế công cũng được thực hiện qua sự tham gia ở cấp độ ngành về quản trị, hỗ trợ về phân cấp thực hiện dịch vụ, phối hợp trong các biện pháp nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình.

- Phù hợp với các chiến lược quốc gia: Tăng cường QLTCC là một trong những nền tảng chính trong trụ cột về Năng lực cạnh tranh tại Chiến lược Quan hệ đối tác quốc gia (CPS) và cũng là một phần của chủ đề chung trong CPS về quản trị - điều hành của WB. Chiến lược của Chính phủ Việt Nam cũng là cải cách QLTCC phải được thực hiện song hành với cải cách về thể chế và hành chính công nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh của quốc gia và đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

- Chính vì vậy, hỗ trợ trong lĩnh vực QLTCC của WB bao hàm ba khía cạnh chính: (i) hỗ trợ các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm tăng cường và hiện đại hoá các hệ thống của quốc gia và công tác quản lý nội bộ, (ii) hỗ trợ các nỗ lực cải thiện về điều hành trong quan hệ giữa nhà nước và xã hội, và (iii) thúc đẩy việc sử dụng các hệ thống trong nước để hỗ trợ quản trị các dự án đầu tư phát triển nhằm đem lại tác động tối đa.

- Để tiếp tục hỗ trợ cải cách QLTCC, WB và Bộ Tài chính đã phối hợp xây dựng và hình thành Chương trình AAA. Cải cách QLTCC liên quan trực tiếp đến trụ cột 1 của Chiến lược đối tác quốc gia năm 2012-2016 và vẫn là một nội dung quan trọng trong Chiến lược Hỗ trợ quốc gia (CAS) trong những năm tiếp theo. Ngày 23/9/2015, Giám đốc quốc gia WB tại Việt Nam đã có thư gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính thông báo Chính phủ Thụy Sĩ (thông qua Cục Kinh tế liên bang Thụy Sĩ - SECO) và Chính phủ Canada (thông qua Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada - DFATD) đã phê duyệt khoản kinh phí viện trợ không hoàn lại ủy thác qua WB quản lý dành cho Việt Nam để triển khai Chương trình AAA.

- Chương trình sẽ hỗ trợ cho Bộ Tài chính theo trọng tâm chiến lược của Chương trình. Đồng thời Chương trình cũng đề nghị cho các đối tác phát triển khác tham gia trong tương lai. WB cũng đóng góp về tài chính qua việc hỗ trợ vốn cho ba đoàn công tác chuẩn bị Chương trình năm 2014 - 2015.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh

nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc ngành lĩnh vực được tài trợ:

Chuyên môn và kinh nghiệm của WB trong việc hỗ trợ cải cách QLTCC đã được công nhận trên toàn cầu cũng như ở Việt Nam. Bên cạnh việc phối hợp hỗ trợ kỹ thuật cùng các đối tác phát triển khác, WB cũng rất tích cực trong việc hỗ trợ cải cách QLTCC qua các sản phẩm phân tích và các hoạt động cho vay. Các sản phẩm phân tích nổi bật bao gồm Đánh giá chi tiêu công phối hợp (PER) 2000; Đánh giá trách nhiệm giải trình tài chính của quốc gia (CFAA) 2001; Báo cáo đánh giá về mua sắm đấu thầu của quốc gia (CPAR) 2002, Đánh giá chi tiêu công và trách nhiệm sử dụng vốn tổng hợp (PER-IFA) 2005, Đánh giá trách nhiệm giải trình tài chính quốc gia (CFAA) 2007, Đánh giá trách nhiệm giải trình chi tiêu và tài chính công (PEFA) 2012, Đánh giá về minh bạch ngân sách (FTR) 2013, Đánh giá về Luật NSNN 2014, Đánh giá về phân cấp ngân sách (FDR) 2014, và hiện nay là Đánh giá chi tiêu công 2015 và Báo cáo kế toán và kiểm toán về tuân thủ chuẩn mực (ROSC). Các hoạt động đầu tư lớn của WB bao gồm Dự án Cải cách quản lý tài chính công (PFMRP) và Dự án Hiện đại hoá quản lý thuế (TAMP). Dự án PFMRP hỗ trợ xây dựng Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) cốt lõi, thí điểm lập Kế hoạch tài chính trung hạn và Kế hoạch chi tiêu trung hạn tại bốn bộ ngành và địa phương, tăng cường chức năng quản lý nợ và tăng cường sử dụng Hệ thống Phân tích tài chính và quản lý nợ (DMFAS). Ngoài ra, với nhiều năm kinh nghiệm về các dự án phát triển ở địa phương tại Việt Nam, WB có khả năng tổng kết về các nội dung chính cần tăng cường thể chế ở các địa phương khác nhau. Tất cả các hoạt động đó giúp WB tham gia chặt chẽ và đối thoại cấp cao thường xuyên với các đối tác khác nhau – từ các cơ quan khác nhau của Chính phủ ở cả trung ương và địa phương (Chính phủ Việt Nam) đến Quốc hội và Kiểm toán Nhà nước (KTNN) – về cải cách thể chế, chẳng hạn qua sửa đổi Luật NSNN và Luật Kế toán.

- WB cũng có thành tích được ghi nhận là đối tác đáng tin cậy với các cơ quan lập pháp và hành pháp nêu trên. WB được các đối tác phát triển và các đối tác trong nước ghi nhận là đi đầu trong lĩnh vực QLTCC tại Việt Nam và đã được yêu cầu đồng chủ trì Diễn đàn Nhóm Đối tác QLTCC với Chính phủ Việt Nam. WB cũng đã đồng tài trợ và huy động hiệu quả nguồn lực của các đối tác phát triển để hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) toàn diện cho Chính phủ Việt Nam và Quốc hội. Các chương trình HTKT phối hợp bao gồm Quỹ MDTF giai đoạn 1 và 2 từ 2004-2013. WB tiếp tục được các đối tác trên yêu cầu chủ trì một chương trình HTKT mới về vấn đề này.

- Chương trình đề xuất sẽ dựa trên những tiến triển đạt được và bài học rút ra qua tất cả các dự án và hoạt động trước đó. Tác động của Chương trình dự kiến sẽ được nâng cao bằng đối thoại chính sách qua các hoạt động cho vay hỗ trợ ngân sách (DPL) như chương trình Tín dụng Quản lý kinh tế và năng lực cạnh tranh (EMCC) và các hoạt động hỗ trợ ngân sách tiếp theo trong tương lai ở cả cấp quốc gia và địa phương.

3. Khả năng đáp ứng của phía Việt Nam đối với điều kiện cung cấp ODA:

Chương trình sử dụng nguồn vốn ODA không hoàn lại với nội dung hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực. Việc quản lý và thực hiện Chương trình tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA, tuân thủ theo các quy định và điều kiện chung về cung cấp vốn ODA không hoàn lại của phía nhà tài trợ đối với các chương trình, dự án tài trợ cho Việt Nam, đồng thời tuân thủ cơ chế quản lý và triển khai của Chương trình đề ra, tuân thủ theo Thỏa thuận tài trợ Chương trình được ký kết giữa Việt Nam và WB. Không phát sinh các ràng buộc hoặc điều kiện khác biệt của nhà tài trợ về cung cấp vốn ODA không hoàn lại.

IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

- Mục tiêu tổng quát của Chương trình: nhằm nâng cao vai trò tích cực hơn nữa của các hệ thống quản lý tài chính công của Việt Nam trong việc hỗ trợ cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công và chất lượng dịch vụ công dựa trên các mục tiêu chiến lược của Chính phủ.

- Mục tiêu cụ thể của chương trình:

(i) hỗ trợ tăng cường năng lực của các cơ quan hành pháp trong việc hoạch định, triển khai và theo dõi tình hình triển khai các chính sách nhằm cải thiện về lập kế hoạch và thực hiện ngân sách đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình và bền vững; và

(ii) cung cấp thông tin phân tích thực chứng về hiệu suất và hiệu quả của những cải cách tài chính công lớn ở cả cấp trung ương và địa phương.

Cụ thể hơn nữa, Chương trình sẽ giúp cải thiện trong 04 lĩnh vực chính mà so sánh theo chuẩn mực quốc tế cho thấy những cải thiện về thông lệ và hệ thống có thể đem lại hiệu quả cao nhất và đồng thời hỗ trợ nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình của những người lập dự toán, quản lý và thực hiện chi tiêu công ở tất cả các cấp. Bao gồm:

(i) Cải thiện sự gắn kết giữa kế hoạch và ngân sách;

(ii) Cải thiện về hiệu quả kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách;

(iii) Cải thiện về năng lực tạo lập và cung cấp thông tin tài chính chất lượng cao;

(iv) Cải thiện các hệ thống nhằm ổn định tình hình tài khóa và quản lý rủi ro tài khóa.

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

- Nhóm đối tượng hưởng lợi chính là người dân Việt Nam, những người được hưởng lợi từ kết quả của việc hoàn thiện chính sách QLTCC theo hướng hiệu quả, bền vững, trách nhiệm giải trình và minh bạch.

- Đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình là các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài chính - ngân sách ở trung ương, trong đó, cơ quan thụ hưởng chính là Bộ Tài chính mà các đơn vị thụ hưởng trực tiếp là các đơn

vị chủ trì triển khai các đề án của Chương trình, bao gồm Kho bạc nhà nước, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và thống kê tài chính, Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ Hành chính sự nghiệp, Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Viện Chiến lược và chính sách tài chính. Trong quá trình thực hiện Chương trình, danh sách các đơn vị thụ hưởng có thể được bổ sung, sửa đổi phù hợp với nội dung hỗ trợ của Chương trình.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước:

Trên cơ sở tính cấp thiết của một số hoạt động cần triển khai trong Chương trình nhằm đảm bảo nội dung và tiến độ cải cách QLTCC của Chính phủ và Bộ Tài chính, sau khi trao đổi và thống nhất với WB, Bộ Tài chính xác định các hoạt động thực hiện trước như sau:

1.1. Các hoạt động thực hiện sau khi Đề cương Chương trình được phê duyệt:

Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Quản lý Chương trình. Xây dựng ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy chế hoạt động của các ban này.

- Các hoạt động này do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện.

- Thời gian thực hiện: sau khi Danh mục Chương trình được phê duyệt.

1.2. Các hoạt động thực hiện trong giai đoạn từ khi Văn kiện Chương trình được phê duyệt đến khi đến khi Thỏa thuận về ODA của Chương trình có hiệu lực, bao gồm:

- Chuẩn bị kế hoạch đấu thầu, tài liệu đấu thầu, hồ sơ mời thầu:

- + Các hoạt động này do Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với WB và các đơn vị liên quan thực hiện.

- + Thời gian thực hiện: sau khi Văn kiện Chương trình được phê duyệt.

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu các hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

- + Các hoạt động này do Bộ Tài chính, Ban Quản lý Chương trình chủ trì phối hợp với WB và các đơn vị liên quan thực hiện.

- + Thời gian thực hiện: sau khi Văn kiện Chương trình được phê duyệt.

- Phê duyệt kết quả đấu thầu, đàm phán hợp đồng đối với các hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

- + Các hoạt động này do Bộ Tài chính, Ban Quản lý Chương trình chủ trì phối hợp với WB và các đơn vị liên quan thực hiện.

+ Thời gian thực hiện: sau khi Văn kiện Chương trình được phê duyệt.

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình năm đầu tiên: theo Phụ lục 2 đính kèm.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá chương trình:

3.1. Theo dõi và giám sát:

Công tác giám sát Chương trình bao gồm các hoạt động theo dõi và kiểm tra quá trình triển khai thực hiện Chương trình nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu và hiệu quả của Chương trình.

Khung theo dõi kết quả của Chương trình (trình bày tại Phụ lục 1) nhằm gắn kết các chỉ số về hiệu quả hoạt động PEFA với các hoạt động cải cách đề xuất. Khung theo dõi này cùng với các mốc thời gian thống nhất là căn cứ chính của cơ chế theo dõi trong Chương trình AAA.

Ban QLCT, Bộ Tài chính và Nhà tài trợ thực hiện theo dõi và giám sát Chương trình như sau:

a) Ban QLCT:

- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện Chương trình, dự án thường xuyên (hàng ngày, tuần, tháng quý và năm) về: Tiến độ và khối lượng thực hiện, chất lượng, chi phí, các biến động;

- Hỗ trợ chủ dự án (Bộ Tài chính) thực hiện chế độ báo cáo các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành, gồm:

- Báo cáo quý (chậm nhất 15 ngày sau khi hết quý);
- Báo cáo năm (chậm nhất vào ngày 31/01 của năm sau);
- Báo cáo kết thúc Chương trình (chậm nhất 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện Chương trình);
- Báo cáo những thay đổi so với các nội dung của điều ước quốc tế về ODA đối với Chương trình đã ký kết;
- Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình cho nhà tài trợ hàng quý theo như thỏa thuận trong điều ước quốc tế về ODA đối với Chương trình.

- Theo dõi, cập nhật tình hình quản lý Chương trình, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam và quy định của nhà tài trợ trong quản lý chương trình của Ban QLCT;

- Chuẩn bị nội dung và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác giám sát định kỳ hàng năm của cơ quan chủ quản (Bộ Tài chính);

- Theo dõi, cập nhật tình hình xử lý, phản hồi thông tin: Tình hình bảo đảm thông tin báo cáo, tình hình xử lý thông tin báo cáo, tình hình và kết quả giải quyết

khó khăn, vướng mắc của Bộ Tài chính, các cơ quan có thẩm quyền và nhà tài trợ.

b) Bộ Tài chính:

- Bố trí các nguồn lực cần thiết đảm bảo cho công tác theo dõi của Ban QLCT;
- Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra tính đầy đủ, tính cập nhật và tính chính xác của các thông tin theo dõi Chương trình do Ban QLCT thực hiện;
- Phê duyệt các Báo cáo do Ban QLCT chuẩn bị và thực hiện chế độ báo cáo các cơ quan liên quan và nhà tài trợ theo quy định;
- Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình do Ban QLCT báo cáo. Đối với những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kịp thời xử lý nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân Chương trình;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ trong quản lý chương trình của Ban QLCT.

c) Ban Chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Chương trình AAA có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ đạo, phối hợp và giám sát việc thực hiện Chương trình AAA, đảm bảo Chương trình được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Tài chính và nhà tài trợ, phù hợp với nhu cầu của các đơn vị thụ hưởng, theo đúng các mục tiêu chiến lược quốc gia và các chương trình cải cách đã được Bộ Tài chính và Chính phủ phê duyệt.

d) Các đơn vị thụ hưởng Chương trình chịu trách nhiệm chủ trì, với sự phối hợp của Ban QLCT triển khai thực hiện các hoạt động HTKT nằm trong kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình, đảm bảo hoạt động được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, đồng thời lập báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) gửi Ban QLCT để tổng hợp phục vụ cho công tác theo dõi giám sát và báo cáo.

e) Nhà tài trợ sẽ tập trung theo dõi tiến độ Chương trình qua:

- Theo dõi hàng năm trên cơ sở Khung theo dõi kết quả của Chương trình.
- Theo dõi giữa năm các mốc hoàn thành trung gian, qua các đoàn hỗ trợ triển khai và giám sát giữa năm của WB (với sự tham gia của Trưởng Cố vấn kỹ thuật). Sau mỗi đoàn công tác, dự kiến sẽ có một buổi làm việc giữa Ban Chỉ đạo Chương trình thuộc Bộ Tài chính với WB và các đối tác phát triển có đóng góp để điểm lại tiến độ và giải quyết những trở ngại từ tất cả các phía (nếu có).
- Theo dõi tiến độ hàng quý của từng hoạt động Chương trình, qua cập nhật khung theo dõi mốc thời gian hoàn thành trung gian. Bộ Tài chính sẽ lập báo cáo tiến độ hàng quý và WB sẽ báo cáo cho các đối tác phát triển tham gia dựa trên báo cáo của Bộ Tài chính và báo cáo hàng quý của Cố vấn trưởng kỹ thuật.
- Theo dõi và giám sát thường xuyên: WB có vai trò đảm bảo chất lượng của Chương trình, theo đó WB sẽ quản lý thông qua các hoạt động thẩm định, giám sát

và các công tác tư vấn kiến thức và kinh nghiệm, như: (1) Quản lý Chương trình: bao gồm lập kế hoạch, đề nghị xem xét và đánh giá các đề xuất hoạt động, lập kế hoạch và ngân sách liên quan đến nguồn lực cấp độ chương trình, theo dõi và đánh giá Chương trình cùng các đối tác; (2) Giám sát hoạt động: bao gồm theo dõi và giám sát các hoạt động do bên thụ hưởng quản lý, theo dõi và đánh giá cấp độ nhiệm vụ, tư vấn và thông qua các hợp đồng tư vấn và mua sắm thuộc các hoạt động do bên thụ hưởng quản lý. Để đảm bảo điều phối hiệu quả, các đầu vào tư vấn được cả Bộ Tài chính và nhà tài trợ quản lý, Điều khoản giao việc (TOR) cho tư vấn trong nước và quốc tế sẽ được hai bên cùng lập và cơ chế “không phải đối” hai chiều sẽ được áp dụng.

3.2. Đánh giá:

Đánh giá Chương trình bao gồm các hoạt động định kỳ, xem xét toàn diện, có hệ thống và khách quan về tính phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và mức độ bền vững của Chương trình để có những điều chỉnh cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho giai đoạn thực hiện tiếp theo và các chương trình, dự án khác.

Để bảo đảm tính khách quan, minh bạch, công tác đánh giá sẽ được tiến hành bởi chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia, tư vấn độc lập được thuê tuyển theo các quy định hiện hành, có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết.

Các giai đoạn đánh giá Chương trình dự kiến được Bộ Tài chính phối hợp với nhà tài trợ thực hiện là:

- Đánh giá định kỳ 06 tháng: nhằm theo dõi và đánh giá tiến độ và hỗ trợ triển khai (nếu cần).
- Đánh giá giữa kỳ: tiến hành vào giữa thời gian thực hiện Chương trình nhằm xem xét tình hình thực hiện đến thời điểm đánh giá để có các điều chỉnh cần thiết;
- Đánh giá kết thúc: tiến hành ngay sau kết thúc thực hiện Chương trình để xem xét toàn bộ quá trình thực hiện, làm cơ sở để lập báo cáo kết thúc Chương trình;
- Đánh giá đột xuất và đánh giá tác động: sẽ được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trách nhiệm của Ban QLCT, Bộ Tài chính và nhà tài trợ đối với công tác đánh giá như sau:

- Ban QLCT:
 - Lập kế hoạch đánh giá Chương trình cụ thể trình Bộ Tài chính phê duyệt;
 - Hỗ trợ chủ dự án (Bộ Tài chính) tổ chức đánh giá định kỳ, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc Chương trình; hỗ trợ Bộ Tài chính tổ chức đánh giá đột xuất chương trình;
 - Lập báo cáo kết thúc Chương trình để trình Bộ Tài chính theo quy định hiện

hành.

- Bộ Tài chính (vai trò chủ dự án và cơ quan chủ quản):

- Phê duyệt kế hoạch đánh giá, bố trí vốn và các nguồn lực cần thiết cho công tác đánh giá theo thẩm quyền;

- Phối hợp với nhà tài trợ tổ chức đánh giá định kỳ, giữa kỳ, đánh giá kết thúc Chương trình; phối hợp với các cơ quan liên quan và nhà tài trợ tiến hành đánh giá tác động, đánh giá đột xuất Chương trình (nếu có);

- Xem xét và có ý kiến hoặc kết luận đối với báo cáo đánh giá định kỳ, giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá đột xuất; có ý kiến nhận xét đối với báo cáo đánh giá tác động của Chương trình thuộc thẩm quyền;

- Xem xét và phê duyệt báo cáo kết thúc Chương trình và gửi báo cáo này cho các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ.

- Các đơn vị thụ hưởng: phối hợp với Ban QLCT thực hiện việc đánh giá định kỳ (hai lần/năm), đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc Chương trình và đánh giá đột xuất.

- Nhà tài trợ: chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và Ban QLCT thực hiện việc đánh giá định kỳ (hai lần/năm), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc Chương trình.

VII. CÁC HỢP PHẦN, HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐẦU RA:

1. Chỉ số kết quả chính:

- Khung theo dõi kết quả được trình bày tại Phụ lục 1 là khung theo dõi các hoạt động của Chương trình qua gắn kết các hoạt động đề xuất với những nội dung cải cách mà các hoạt động đó góp phần thực hiện và khả năng thay đổi về điểm số PEFA. Tài liệu này cũng trình bày những đầu ra dự kiến đạt được, cũng như những yêu cầu tối thiểu cần thiết để đạt được điểm số PEFA mục tiêu cùng những giả định và rủi ro. Khung theo dõi này là căn cứ cho cơ chế theo dõi Chương trình AAA, và sẽ được bổ trợ bằng khung theo dõi chi tiết hơn việc hoàn thành các mốc triển khai đặt ra tại các đề xuất do các vụ, cục trình lên. Các mốc kết quả trung gian sẽ được xác định thông qua tiến độ triển khai theo giai đoạn và hợp lô-lô-gic cho mỗi đề xuất. Trình tự hợp lý của các mốc kết quả trong các đề xuất khác nhau sẽ được xác định do tính chất quan hệ lẫn nhau của các mốc đó.

- Việc xây dựng khung theo dõi kết quả đề xuất cho chương trình được bắt đầu bằng cách liên hệ giữa từng đề xuất với tác động tiềm năng của đề xuất đó với các nội dung yếu kém chính của các hệ thống QLTTCC được xác định qua đánh giá PEFA. Cách làm này giúp xác định ra một số hoạt động góp phần đem lại cải thiện không chỉ ở một nội dung và nhu cầu cần có sự phối hợp giữa các đơn vị tại Bộ Tài chính nhằm đạt được tác động yêu cầu. Trong nhiều trường hợp, một số hoạt động đề xuất khác nhau có thể góp phần cải thiện cùng một điểm số PEFA. Trong một số trường hợp, một hoạt động có thể góp phần cải thiện không chỉ một điểm số PEFA.

Mặt khác, hiện tại cũng có trường hợp chỉ có ít hoặc không có hoạt động nào được xác định nhằm góp phần cải thiện một số chỉ số PEFA mục tiêu, vì vậy, nhu cầu triển khai thêm các hoạt động sẽ được cân nhắc trong tương lai.

2. Các hợp phần, hoạt động và kết quả đầu ra:

- Các kết quả dự kiến đạt được của Chương trình nhằm đem lại tác động lớn về khả năng các hệ thống quản lý tài chính công của Việt Nam có vai trò tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công và chất lượng dịch vụ công dựa trên các mục tiêu chiến lược của Chính phủ. Cụ thể là cải thiện bốn hợp phần chính (dưới đây) mà so sánh theo chuẩn mực quốc tế cho thấy những cải thiện về thông lệ và hệ thống có thể đem lại hiệu quả cao nhất và đồng thời hỗ trợ nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình của những người lập dự toán, quản lý và thực hiện chi tiêu công ở tất cả các cấp.

- Hỗ trợ của Chương trình bao gồm bốn hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và một hợp phần hỗ trợ hoạt động và quản lý dự án. Đối tác chính của những hợp phần này là các đơn vị của Bộ Tài chính như được nêu trong Khung theo dõi kết quả tại Phụ lục 1 và Kế hoạch tổng thể tại Phụ lục 2.

- Các hoạt động hỗ trợ của Chương trình được cũng được chia theo các Đề án gắn với các đối tác thực hiện (các đơn vị của Bộ Tài chính) được nêu cụ thể trong Kế hoạch tổng thể tại Phụ lục 2.

Hợp phần 1: Cải thiện sự gắn kết giữa kế hoạch và ngân sách (P1-12)

- Trong khu vực công, quy trình ngân sách là công cụ chính vừa để triển khai các ưu tiên chính sách vừa để đảm bảo trách nhiệm giải trình. Đây cũng là cơ chế đảm bảo sự minh bạch giữa cơ quan hành pháp, quốc hội và người dân. Cung cấp các dịch vụ công là việc phức tạp, trong đó các quyết định đưa ra và các hoạt động được triển khai thường có tác động về mặt tài chính trong một số năm tiếp theo. Bên cạnh đó là mối quan hệ phức tạp giữa các hình thức đòi hỏi nguồn lực khác nhau, trong đó chi đầu tư có tác động đối với nhiều nội dung chi hoạt động. Đồng thời do cung cấp dịch vụ là việc phức tạp, những người được giao ngân sách và cung cấp dịch vụ cũng cần có khả năng dự liệu về nguồn lực có thể có được trong thời gian tới để làm cơ sở lập kế hoạch.

- Chính vì vậy, cách tiếp cận trung hạn trong lập kế hoạch tài chính, chính sách chi tiêu và lập ngân sách có vai trò thiết yếu trong dự kiến cải thiện về hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công của Chính phủ. Hiện nay, dự báo trung hạn về các tổng mức ngân sách chưa được lập trong bối cảnh lập ngân sách thường niên theo từng năm. Chiến lược phát triển trung hạn ngành của hầu hết các ngành đã được lập, nhưng chưa nhất quán với các dự báo tài khoá tổng thể. Ngân sách chi đầu tư và thường xuyên được lập theo các quy trình tách biệt, và hiện nay sự phối hợp còn hạn chế trong việc cân nhắc về chi thường xuyên trong tương lai nhằm duy tu bảo dưỡng và vận hành tài sản/cơ sở vật chất được hình thành qua các quyết định đầu tư cụ thể.

- Chương trình này dựa trên hoạt động thí điểm phương thức lập Kế hoạch tài

chính trung hạn (MTFF) và Kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTEF) trước đó tại Dự án Cải cách quản lý tài chính công. Chương trình cũng mong muốn phối hợp với EU và GIZ trong việc hỗ trợ xây dựng MTFF và cải thiện các kỹ thuật dự báo. Luật NSNN năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017) đã quy định về lập kế hoạch tài chính –NSNN trung hạn 3 năm theo phương thức “cuốn chiếu”. Điều này giúp tạo ra tầm nhìn trung hạn về tài chính công nhằm định hướng cho công tác lập dự toán NSNN hàng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.

- Chương trình sẽ sử dụng kết quả Báo cáo Đánh giá chi tiêu công 2014 để triển khai các đánh giá chi tiêu công (PER) theo ngành/lĩnh vực nhằm đánh giá mức độ gắn kết giữa chi tiêu công với các ưu tiên của ngành/ quốc gia.

- Chương trình cũng sẽ hỗ trợ cải thiện cơ chế theo dõi và báo cáo về cam kết chi hàng năm và tiến tới quản lý và báo cáo cam kết chi trung hạn, qua đó tạo ra thông tin về yêu cầu trong trung hạn của những cam kết chi hiện hành, là nền tảng căn bản để xây dựng Kế hoạch tài khóa trung hạn (MTFF) cho tốt.

- Chương trình sẽ hỗ trợ cải thiện sự gắn kết giữa ngân sách và các chính sách ngành/quốc gia, qua việc áp dụng thủ tục lập chiến lược ngành với dự toán kinh phí sát thực tế, và thể hiện sự đóng góp của những chiến lược đó cho những ưu tiên và chính sách của quốc gia. Để đem lại những cải thiện đó, điều quan trọng là phải có sự gắn kết và hài hòa giữa chi đầu tư và chi thường xuyên, đòi hỏi sự phối hợp giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đánh giá chi tiêu công (PER) được hỗ trợ cũng sẽ tập trung nhằm đánh giá mức độ gắn kết giữa chi tiêu công với các ưu tiên của ngành/quốc gia trong một hệ thống phân cấp. Trong quá trình thực hiện Chương trình sẽ có đối thoại liên tục về khả năng thiết lập các quy trình nội bộ thường xuyên và sát thực tế nhằm đánh giá về các ưu tiên và nguồn tài chính của từng ngành. Hoạt động hỗ trợ cho nội dung này sẽ được quyết định dựa trên nhu cầu hỗ trợ của Bộ Tài chính và các bộ liên quan, cũng như tính khả thi của việc thiết lập quy trình đó trong thời gian tới.

- Chương trình sẽ hỗ trợ tạo ra sự gắn kết tốt hơn giữa ngân sách đầu tư và dự toán chi tiêu trung hạn. Luật Đầu tư công mới quy định ngân sách đầu tư trung hạn sẽ được xây dựng trong các kế hoạch đầu tư công năm năm của quốc gia, các bộ ngành và địa phương. Đầu tư sẽ được lựa chọn trên cơ sở các chiến lược ngành liên quan. Tuy nhiên, các kế hoạch đầu tư công (PIP) cần được cả Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính thẩm định trước khi được phê duyệt. Hiện chưa rõ những cân nhắc về đầu tư và hệ quả tác động về chi thường xuyên được phối hợp ra sao trong thực tế và Chương trình sẽ tìm hướng hỗ trợ về vấn đề này thông qua báo cáo PER và các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật khác nếu nhận thấy nhu cầu cần thiết.

Các hoạt động hỗ trợ bao gồm:

- (1) Xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách trung hạn (bao gồm gợi ý cải thiện các kỹ thuật dự báo) (hoạt động thuộc Đề án 1: Khung chi tiêu trung hạn)

- Kết quả đầu ra chính: Tầm nhìn trung hạn về các tham số tài chính công,

phản ánh các mục tiêu chính sách tài khoá dựa trên dự báo thu chi đáng tin cậy và sát thực tế.

(2) Sử dụng Đánh giá Chi tiêu Công (PER) hiện đang thực hiện để xây dựng đề xuất về qui trình lập ngân sách trung hạn với sự gắn kết rõ ràng giữa dự toán nhiều năm và trần ngân sách hàng năm được thiết lập sau đó (hoạt động thuộc Đề án 1: Khung chi tiêu trung hạn).

- Kết quả đầu ra chính: Kỹ thuật dự báo chi số tài khóa tổng thể và kỹ thuật tính toán mức trần cho hàng năm và trung hạn.

(3) Đánh giá và cải thiện cơ chế quản lý cam kết chi và xây dựng hệ thống báo cáo về cam kết chi (nhằm cung cấp thông tin và là cơ sở cho lập ngân sách trung hạn) (hoạt động thuộc Đề án 3: Kiểm soát chi).

- Kết quả đầu ra chính: Cải thiện cơ chế quản lý đối với cam kết chi đầu tư phù hợp với ngân sách hàng năm và trung hạn; thiết lập hệ thống báo cáo cam kết chi hàng năm; nghiên cứu tính khả thi về hệ thống giám sát và báo cáo cam kết chi đầu tư trung hạn. Các thông tin về cam kết chi trong năm, nếu có thể là trong nhiều năm, có thể được tổng hợp vào TABMIS theo mẫu báo cáo được xây dựng dưới sự hỗ trợ của Chương trình AAA. Thông tin này sau đó được thu thập và cung cấp cho các cán bộ điều hành ngân sách qua kho dữ liệu tài chính quốc gia (Cục TH&TK TC).

(4) Xây dựng Kế hoạch tài chính – ngân sách trung hạn và cải thiện sự gắn kết giữa quy trình lập kế hoạch đầu tư mới và kế hoạch ngân sách theo thực tế (hoạt động thuộc Đề án 1: Khung chi tiêu trung hạn).

- Kết quả đầu ra chính: Xây dựng kế hoạch ngân sách 5 năm cố định theo đề xuất và gắn kết hiệu quả với kế hoạch ngân sách ba năm cuốn chiếu đề xuất, cũng như cả kế hoạch đầu tư 5 năm và hàng năm.

(5) Thực hiện Đánh giá chi tiêu công (PER) và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm cải thiện sự gắn kết giữa ngân sách đầu tư và nguồn lực chung (hoạt động thuộc Đề án 1: Khung chi tiêu trung hạn).

- Kết quả đầu ra chính: Báo cáo PER và các đầu ra HTKT liên quan, đưa ra đánh giá về mức độ gắn kết giữa ngân sách đầu tư và khả năng đáp ứng nguồn lực chung, cũng như giữa chi đầu tư và chi thường xuyên, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện sự gắn kết này trong một tầm nhìn trung hạn.

Hợp phần 2: Cải thiện về hiệu quả kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách (PI -4, PI – 20)

- Kiểm soát chi tiêu hiệu quả và hài hòa có vai trò thiết yếu để tạo điều kiện thực hiện ngân sách kịp thời và đảm bảo hiệu quả, giảm lãng phí, sử dụng sai mục đích hoặc sai quy định. Bằng không, trách nhiệm giải trình sẽ bị suy giảm, hiệu suất và hiệu quả sử dụng nguồn lực sẽ trở nên yếu kém.

- Hợp phần này nhằm đảm bảo kiểm soát được thực hiện ở tất cả các khâu của

quy trình chi tiêu, bao gồm cả các khâu từ sớm nhằm cam kết chi và ký kết hợp đồng vì hầu hết những yếu kém đều xuất phát từ những khâu này gây ảnh hưởng chung đến hiệu quả chi tiêu nói chung. Hợp phần này cũng nhằm đánh giá xem các quy định pháp luật đã đầy đủ và phù hợp với tình hình thay đổi hay chưa. Khi Chính phủ tiến hành các bước đi nhằm nâng cao hiệu suất, sự thay đổi về cơ cấu tổ chức cũng sẽ diễn ra. Tuy nhiên các văn bản quy phạm pháp luật cũng cần phải thích ứng theo những thay đổi đó nhằm đảm bảo các hình thức tổ chức mới vẫn duy trì được trách nhiệm giải trình. Chẳng hạn, Việt Nam đang cân nhắc việc nâng cao tự chủ về quản lý tại các đơn vị sự nghiệp và điều đó phải thực hiện trong một cơ chế quản lý và giám sát đầy đủ để nguồn lực không bị sử dụng lãng phí và sai mục đích.

- Mặc dù hệ thống kế toán mới (TABMIS) đã có công cụ quản lý cam kết chi hiện đã được sử dụng một phần, nhưng chưa rõ công cụ này có được sử dụng hiệu quả ở tất cả các cấp sử dụng ngân sách nhằm cải thiện về sử dụng nguồn lực trong năm và của các năm tới hay chưa. Việc sử dụng công cụ này sẽ được đánh giá và sẽ có những điều chỉnh phù hợp nhằm bổ sung việc báo cáo cam kết chi hàng năm và tiến tới quản lý và cung cấp thông tin về cam kết chi trung hạn. Đề án sẽ được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn một hướng tới cải thiện cơ chế theo dõi và báo cáo về cam kết chi hàng năm và đồng thời nghiên cứu về tính khả thi về nghiệp vụ và kỹ thuật cho việc quản lý và thông tin về cam kết chi trung hạn. Dựa trên tính khả thi, trong giai đoạn hai Chương trình sẽ hỗ trợ việc đề xuất cơ chế (ví dụ qua một thông tư) đồng thời xây dựng hệ thống báo cáo phù hợp với cơ chế đề xuất về quản lý cam kết chi trung hạn. Cải thiện việc cung cấp và truy cập dữ liệu về cam kết chi trung hạn. Cải thiện thông tin về cam kết chi, đào tạo cho các cán bộ điều hành ngân sách về sử dụng thông tin đó có thể nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách bằng cách lập kế hoạch sử dụng vốn một cách có hệ thống hơn, tránh nhu cầu phải thực hiện các biện pháp vừa làm vừa dừng, và tránh tích lũy nợ đọng chi cũng như rủi ro cố hữu của chúng về mặt ổn định tình hình ngân sách. Điều này đòi hỏi phải có những điều chỉnh về cách thức sử dụng hệ thống TABMIS và các biểu mẫu báo cáo của hệ thống. Ngoài ra, báo cáo tài chính nhà nước cần trình bày thông tin về cam kết chi/các khoản phải trả trong ngắn hạn và dài hạn.

- Việc xây dựng các hệ thống nhằm ghi chép toàn bộ cam kết chi từ sớm và cung cấp thông tin dữ liệu chậm gửi đề nghị cam kết chi cho KBNN cũng giúp cảnh báo các trường hợp chủ đầu tư hay chậm trễ trong thực hiện quy định về quản lý kiểm soát cam kết chi. Vì yêu cầu đặt ra là toàn bộ cam kết chi phải được thông báo, các trường hợp chậm làm cam kết chi tại Kho bạc hoặc thanh toán được thực hiện muộn nếu có sẽ được xác định dễ dàng hơn. Điều đó giúp tăng cường hiệu lực các quy định của Chính phủ nhằm ngăn ngừa các thông lệ dẫn đến nợ đọng. Nội dung hỗ trợ trong Chương trình này nhằm củng cố kiểm soát, báo cáo và quản lý cam kết chi cả về quy trình quản lý và kỹ thuật. Qua đó, cam kết chi sẽ được đặt trong bối cảnh chức năng chung của Chương trình.

- Chương trình sẽ hỗ trợ cải thiện các quy trình nhằm thu thập dự báo dòng tiền và quản lý tồn ngân. Khuôn khổ pháp lý về quản lý ngân quỹ sẽ được thông qua, tạo điều kiện nhằm quản lý đầu tư tồn ngân/vay bù đắp thiếu hụt ngân quỹ tạm

thời. Các quy trình thu thập dự báo dòng tiền ở cấp độ sát thực tế sẽ được tăng cường.

- Các biện pháp kiểm soát tại các đơn vị dự toán được cho là đang vận hành thỏa đáng, trong việc ngăn ngừa chi ngoài dự toán. Tuy nhiên, hiện đang có những vấn đề lớn về quản lý hợp đồng, xác định số tiền thanh toán trong các hợp đồng, qua việc lãnh đạo các đơn vị yêu cầu phải áp dụng các định mức chi không phù hợp với điều kiện thị trường, và về đảm bảo thanh toán sớm khi lãnh đạo các đơn vị khai thác các thủ tục hành chính để biện minh cho chậm trễ trong thanh toán. Cải thiện về cơ chế theo dõi và báo cáo cam kết chi là nhằm phát hiện và có biện pháp khi các hệ thống đó chỉ ra bằng chứng về chậm trễ thanh toán liên tục.

- Chương trình cũng sẽ hỗ trợ thiết lập một lộ trình từng bước phù hợp với thực tế nhằm nâng cao tự chủ tại khoảng 400 đơn vị sự nghiệp công ở cấp trung ương, trong phạm vi cơ chế nhằm đảm bảo tự chủ tài chính, kiểm soát và trách nhiệm giải trình. Việc này bao gồm hỗ trợ nhằm cải thiện: i) sự rõ ràng, tin cậy, minh bạch và kịp thời của nguồn công quỹ tiếp tục dành cho các đơn vị sự nghiệp; ii) trách nhiệm giải trình của các đơn vị sự nghiệp trong việc thu và sử dụng các khoản đóng góp bất kỳ từ công quỹ; và iii) quản lý rủi ro phát sinh qua các nghĩa vụ mà khu vực công phải tiếp tục đảm bảo về ổn định tài chính tại các đơn vị sự nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, Chương trình sẽ tư vấn cho việc xây dựng một chế độ báo cáo về hiệu quả hoạt động cả về khía cạnh tài chính và phi tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập, và cho việc triển khai thí điểm chế độ báo cáo này tới một số các đơn vị sự nghiệp công lập do TW quản lý trong một số ngành (ví dụ bệnh viện, trường học, các tổ chức nghiên cứu...). Dự kiến ở giai đoạn đầu, việc tổng hợp thông tin báo cáo vẫn được thực hiện theo phương pháp báo cáo thông tin và số liệu truyền thống (bằng văn bản/tệp dữ liệu). Trong tương lai, nếu Chính phủ có điều kiện để tự động hóa quá trình nộp dữ liệu của các đơn vị và tổng hợp thông tin của cơ quan quản lý, chương trình AAA có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình xây dựng cơ chế và hệ thống thông tin phục vụ việc báo cáo được tự động hóa.

Các hoạt động hỗ trợ bao gồm:

(1) Đánh giá và cải thiện cơ chế quản lý và kiểm soát cam kết chi và xây dựng hệ thống báo cáo về cam kết chi (làm cơ sở áp phạt nếu chậm đăng ký cam kết chi) (hoạt động thuộc Đề án 3: Kiểm soát chi)

- Kết quả đầu ra chính: Cam kết chi được ghi chép trong TABMIS trong phạm vi thời gian quy định.

(2) Xây dựng báo cáo tổng hợp cho các nhà hoạch định chính sách về rủi ro phát sinh ở cấp địa phương (bao gồm cả rủi ro về nợ đọng xây dựng cơ bản) (hoạt động thuộc Đề án 12: Rủi ro tài khóa địa phương).

- Kết quả đầu ra chính: Báo cáo đánh giá và quản lý rủi ro tổng hợp dựa trên việc cải thiện các kênh thông tin về: Các chương trình tín dụng ưu đãi; Quản lý ngân quỹ; Nợ đọng xây dựng cơ bản; Vay nợ của địa phương; Cho địa phương vay lại vốn vay nước ngoài.

(3) Đánh giá và cải thiện cơ chế quản lý cam kết chi và xây dựng hệ thống báo cáo cam kết chi (hoạt động thuộc Đề án 3: Cam kết chi).

- Kết quả đầu ra chính: Cam kết được ghi chép trong TABMIS theo khung thời gian quy định và các hình thức phạt được áp dụng trong trường hợp đăng ký muộn.

(4) Cải thiện về quản lý ngân quỹ, bao gồm: (i) tăng cường dự báo dòng tiền; và (ii) xây dựng kỹ thuật để quản lý biến động ngân quỹ tạm thời (giúp đảm bảo chi tiêu, bao gồm cả các cam kết chi) và quản lý rủi ro liên quan (hoạt động thuộc Đề án 4: Quản lý ngân quỹ).

- Kết quả đầu ra chính: Cải thiện và triển khai khuôn khổ pháp lý tốt hơn về quản lý ngân quỹ và các quy trình thu thập dự báo dòng tiền ở mức độ phù hợp với thực tế; Xây dựng quy trình quản lý rủi ro trong quản lý ngân quỹ bao gồm rủi ro thiếu hụt tạm thời.

(5) Xây dựng lộ trình và cơ chế quản lý để tăng cường tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp (hoạt động thuộc Đề án 5: Lộ trình tự chủ đơn vị Hành chính sự nghiệp).

- Kết quả đầu ra chính: Xây dựng được quy trình nâng cao tự chủ sát thực tế theo từng giai đoạn trong một cơ chế đảm bảo tài chính, báo cáo dữ liệu và các thủ tục đảm bảo trách nhiệm giải trình.

Hợp phần 3: Cải thiện về năng lực tạo lập và cung cấp thông tin tài chính chất lượng cao (PI – 5, PI – 24, PI – 25)

- Trách nhiệm giải trình khó có thể đạt được nếu không có thông tin chính xác và kịp thời về nguồn lực được sử dụng và kết quả đạt được qua sử dụng những nguồn lực đó. Hơn nữa, minh bạch thực sự không thể đạt được nếu không có thông tin chính xác và kịp thời và nhu cầu của người sử dụng. Những thông tin này cần tuân thủ với các chuẩn mực được xác định rõ ràng và áp dụng nhất quán để hỗ trợ cho việc diễn giải thông tin. Trong bối cảnh đó, hiện đang có nhu cầu hỗ trợ cho người sử dụng báo cáo tài chính tại Chính phủ, Quốc hội và công chúng nhằm phản ánh nhu cầu thông tin và diễn giải thông tin của họ. Vì nguồn lực luôn hạn chế, những người được phân bổ nguồn lực công cần phải chủ động quản lý những nguồn lực đó để đem lại kết quả tốt nhất có thể thu được từ nguồn lực được phân giao. Khả năng tiếp cận thông tin chính xác và kịp thời về nguồn lực có được và tiến độ chi tiêu đóng vai trò thiết yếu để quản lý chủ động.

- Hiện nay, phân loại ngân sách của Việt Nam chưa trình bày thông tin nhất quán về thu và chi tiêu ở cả hai khâu lập và quyết toán ngân sách. Chương trình này sẽ hỗ trợ cải thiện hệ thống phân loại ngân sách hướng tới nâng cao sự nhất quán ở tất cả các khâu lập, thực hiện và quyết toán ngân sách, phân tích tốt hơn cho các ngành và lĩnh vực. Các hình thức phân tích như theo nội dung kinh tế và lĩnh vực sẽ được áp dụng nhất quán giữa chi đầu tư và thường xuyên.

- Phân loại và trình bày thông tin nhất quán từ khâu dự toán đến khâu quyết toán là cơ sở cho các biện pháp nhằm tăng cường kỷ cương tài khoá và độ tin cậy

của ngân sách, đóng vai trò thiết yếu trong việc phân tích tài khoá – vĩ mô và tạo điều kiện phân tích mối quan hệ giữa chính sách và các ưu tiên ngân sách. Thông tin đó là cơ sở cho việc đánh giá về hiệu suất chi tiêu đối với cả chi thường xuyên và chi đầu tư, cũng như phân tích các yếu tố chính ảnh hưởng đến chi tiêu; cũng như để xác định những dấu hiệu bất kỳ về bất cân đối giữa chi thường xuyên và chi đầu tư cũng như trong cơ cấu chi thường xuyên. Bức tranh đầy đủ gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên trong nội ngành và giữa các ngành sẽ là cơ sở cho các chính sách phân bổ ngân sách. Công việc đề xuất liên quan đến hạch toán và báo cáo về chuyên nguồn để đảm bảo kiểm soát và nhất quán sẽ giúp giải quyết sự thiếu nhất quán hiện nay trong báo cáo giữa các khâu trong quy trình ngân sách để có thể so sánh một cách có ý nghĩa hơn giữa báo cáo tình hình thực hiện ngân sách với dự toán gốc. Chương trình cũng sẽ hỗ trợ tăng cường về trình bày và phân tích dữ liệu ngân sách theo biểu mẫu phù hợp các thông lệ quốc tế tốt nhất, và hỗ trợ nâng cao năng lực của chính phủ, ít nhất là trong việc ánh xạ dữ liệu ngân sách và kế toán theo biểu mẫu phù hợp với chuẩn GFS.

- Hợp phần này cũng được hưởng lợi qua công việc được mô tả tại Hợp phần 2 về cải thiện cơ chế kiểm soát và theo dõi cam kết chi trong bối cảnh trung hạn và xây dựng hệ thống báo cáo cam kết chi. Cam kết chi sẽ được ghi nhận trong TABMIS đúng vào thời điểm cam kết, báo cáo thông tin về cam kết chi và thanh toán chi sẽ được cung cấp cho các cán bộ điều hành ngân sách. Dữ liệu về cam kết chi cả trong năm và giữa các năm sẽ được thu thập và cung cấp.

- Trong những năm gần đây, Bộ Tài chính đã có những nỗ lực lớn trong việc xây dựng các hệ thống thông tin quản lý để hỗ trợ cho hoạt động QLTCC. Cụ thể, hệ thống TABMIS đã cải thiện đáng kể về độ chính xác, kịp thời và minh bạch trong báo cáo tài khoá, kế toán và báo cáo về tình hình thực hiện NSNN. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận cơ sở dữ liệu hiện chỉ hạn chế ở các đơn vị tài chính và kho bạc trên cả nước, trong khi đó các cơ quan khác của Chính phủ và người dân cũng có nhu cầu sử dụng dữ liệu tài khoá nhiều hơn. Việc tạo điều kiện tiếp cận dữ liệu chi tiêu chi tiết hơn một cách dễ dàng và thường xuyên hơn, chẳng hạn các bộ chủ quản, sẽ giúp cải thiện được chất lượng phân tích về hiệu suất và hiệu quả của các chính sách chi tiêu, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp. Quyết định số 1803 (2011) của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3036 (2014) của Bộ Tài chính đã quy định về tăng cường cơ sở dữ liệu, ứng dụng và năng lực nhằm cải thiện về phân tích và dự báo ngân sách. Quyết định số 34 (2014) của Thủ tướng Chính phủ đã quy định về tăng cường công khai minh bạch thông tin tài chính và thống kê. Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử, theo đó, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm triển khai xây dựng, thực hiện quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính. Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng chính phủ ban hành phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo đó, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp số liệu thu, chi ngân sách trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

- Chương trình sẽ hỗ trợ cải thiện năng lực tạo lập và khai thác, cung cấp

thông tin tài chính chất lượng cao cho các đối tượng sử dụng dữ liệu rộng hơn. Chương trình sẽ hỗ trợ Bộ Tài chính để thiết kế một kho dữ liệu quốc gia về tài chính và quyết định về phương thức phù hợp nhằm cho phép các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực công của Chính phủ Việt Nam và các đơn vị sự nghiệp ở cấp trung ương và địa phương cũng như người dân được truy cập dữ liệu tài chính - ngân sách theo hướng tương tác và mở rộng. Cùng với hoạt động đầu tư bổ sung của Bộ Tài chính nhằm xây dựng kho dữ liệu và các công cụ khai thác thông tin, hoạt động hỗ trợ này sẽ giúp cung cấp các công cụ truy vấn dữ liệu tài chính linh hoạt cho các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các bộ ngành, địa phương và người dân để phân tích và giám sát. Qua việc hỗ trợ xây dựng kho dữ liệu và cơ chế chia sẻ thông tin đề xuất, hoạt động này sẽ tổng hợp và tạo ra một khuôn khổ chung cho nhiều sáng kiến liên quan khác được chương trình hỗ trợ.

- Để hỗ trợ ra quyết định và góp phần nâng cao minh bạch, tình hình tài chính công phải được báo cáo kịp thời, toàn diện và nhất quán theo các chuẩn mực quốc tế. Báo cáo tài chính của các đơn vị báo cáo phải bao gồm đầy đủ thông tin về thu, chi, tài sản có và tài sản nợ (gồm cả cam kết chi), báo cáo về chi chuyển nguồn cho nhất quán và tạo điều kiện so sánh dễ dàng giữa số dự toán và số thực hiện, kèm theo thuyết minh rõ ràng về các chuẩn mực được sử dụng để lập báo cáo. Quan trọng là toàn bộ các hoạt động lớn của Chính phủ phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất.

- Hiện nay, báo cáo quyết toán tình hình thực hiện ngân sách tổng hợp được lập hàng năm, nhưng chỉ liên quan đến NSNN chứ chưa bao gồm toàn bộ các đơn vị thuộc khu vực công như hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đồng thời thông tin từ các đơn vị sử dụng ngân sách ở mức độ nào đó còn chưa đầy đủ và chính xác. Do vậy, Chính phủ và Quốc hội chưa có được bức tranh đầy đủ về hiệu quả hoạt động tổng thể của khu vực công và tình trạng sức khỏe về tài chính công.

- Luật Kế toán (2015) quy định báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội và Hội đồng nhân dân cùng lúc với báo cáo quyết toán ngân sách – báo cáo được điều chỉnh bởi quy định của Luật NSNN. Tuy nhiên, Luật NSNN (2015) tiếp tục yêu cầu trình báo cáo quyết toán ngân sách (budget execution statement) cho kiểm toán trong thời hạn 14 tháng và báo cáo quyết toán ngân sách cuối cùng sau khi kiểm toán nộp cho Quốc hội trong 18 tháng tính từ ngày cuối cùng năm báo cáo. Hạn thời gian như vậy là quá muộn để thông tin cho việc lập dự toán năm sau. Thời hạn 14 tháng theo quy định tại Luật Ngân sách cũng là quá dài theo chuẩn mực quốc tế và chỉ đạt điểm C theo đánh giá PEFA. Mức độ kịp thời của việc có báo cáo để kiểm toán là vấn đề quan trọng theo chuẩn mực quốc tế vì sự phù hợp của kết luận kiểm toán chịu ảnh hưởng bởi thời điểm. Hệ thống ngân sách lồng ghép ở mỗi cấp chính quyền của Việt Nam được cho là khó khăn đặc thù trong vấn đề này.

- Thông lệ quốc tế tốt gợi ý rằng báo cáo tài chính, bao gồm báo cáo quyết toán ngân sách, cần được nộp kịp thời hơn để nâng cao tính hữu dụng của báo cáo. Tuy nhiên, việc đẩy sớm thời hạn nộp báo cáo cần có sự đồng thuận nhiều hơn giữa các đơn vị tại Bộ Tài chính, các bộ ngành liên quan của Chính phủ và các cơ quan

Quốc hội. Chương trình đề ngỏ khả năng hỗ trợ nhằm đẩy nhanh quá trình quyết toán và báo cáo cho sớm hơn, nếu có hướng xử lý các vấn đề trên và mong muốn hỗ trợ được bày tỏ.

- Việt Nam hiện chưa ban hành được các chuẩn mực kế toán cho khu vực công. Các đơn vị kế toán nhà nước hiện đang áp dụng một chế độ kế toán chung. Tuy nhiên, một số đơn vị trong khu vực công có hoạt động đặc thù, có cơ chế tài chính riêng được hướng dẫn chế độ kế toán riêng trên cơ sở chế độ kế toán chung đó. Từ đó xuất hiện nhu cầu đánh giá tác động của các cơ chế khác nhau này nhằm xác định điều đó có ảnh hưởng nhất định đến việc diễn giải thông tin công khai về tình hình tài chính và tình hình sử dụng nguồn lực tài chính của các đơn vị khu vực công và trách nhiệm giải trình của các đơn vị đó hay không.

- Chương trình sẽ hỗ trợ việc từng bước việc nghiên cứu xây dựng các Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) trên cơ sở chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) được điều chỉnh cho phù hợp với cơ chế, chính sách trong nước để ban hành và áp dụng tại Việt Nam. Việc này bao hàm phải xây dựng các hệ thống báo cáo tài chính cho các đơn vị khu vực công theo các nội dung trong chuẩn mực phù hợp với Luật Kế toán (2015). Báo cáo tài chính cần kèm theo thuyết minh rõ ràng về các nguyên tắc của chuẩn mực được áp dụng để lập báo cáo.

Các hoạt động hỗ trợ bao gồm:

(1) Cải thiện hệ thống phân loại ngân sách và báo cáo tình hình thực hiện ngân sách (hoạt động thuộc Đề án 6: Phân loại Mục lục ngân sách).

- Kết quả đầu ra chính: Phân loại được cải thiện nhằm:

- Phân tích nhất quán chi đầu tư và thường xuyên cho lĩnh vực.
- Trình bày một cách rõ ràng số chi được thực hiện cả từ nguồn kết chuyển ngân sách năm trước chưa chi hết và thu chuyển nguồn để giúp so sánh một cách nhất quán giữa dự toán và quyết toán.

(2) Đánh giá và cải thiện cơ chế quản lý cam kết chi và xây dựng hệ thống báo cáo về cam kết chi (báo cáo cả thông tin về cam kết chi và thanh toán chi) (hoạt động thuộc Đề án 3: Kiểm soát chi).

- Kết quả đầu ra chính: Thông tin về quản lý và kiểm soát cam kết chi theo hợp đồng trong năm ngân sách và các hợp đồng khung (nhiều năm) được thu thập và thông báo cho các cán bộ điều hành ngân sách qua TABMIS và kho dữ liệu quốc gia.

(3) Tăng cường năng lực tạo lập và khai thác thông tin tài chính chất lượng cao cho nhiều người dùng tin hơn qua việc nâng cấp và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính (hoạt động thuộc Đề án 8: Khai thác thông tin từ kho dữ liệu tài chính quốc gia).

- Kết quả đầu ra chính: Xây dựng quy chế chia sẻ thông tin; Cải thiện về thông tin đầu vào, tăng cường việc truy cập và khai thác thông tin (bao gồm thông tin từ

TABMIS) của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các bộ ngành và địa phương, các tổ chức và cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

(4) Tăng cường về trình bày và phân tích dữ liệu ngân sách theo hình thức phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất (Hoạt động thuộc Đề án 7: GFS).

- Kết quả đầu ra chính: Tối thiểu có khả năng chuyển đổi dữ liệu tài chính và ngân sách theo biểu mẫu nhất quán với chuẩn GFS.

(5) Xác định và cải thiện biểu mẫu báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trong khu vực công theo yêu cầu của chuẩn mực công quốc tế (hoạt động thuộc Đề án 9: Chuẩn mực kế toán công)

- Kết quả đầu ra chính: Xây dựng các loại biểu mẫu để lập báo cáo toàn diện cho các đơn vị báo cáo tại khu vực công.

(6) Lập báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn bộ Chính phủ (hoạt động thuộc Đề án 10: Tổng kế toán).

- Kết quả đầu ra chính: Xây dựng các loại biểu mẫu báo cáo để báo cáo cho toàn bộ Chính phủ một cách toàn diện cùng các quy trình thu thập và tổng hợp các dữ liệu kế toán cần thiết. Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở thường niên.

(7) Xác định lộ trình xây dựng chuẩn mực kế toán công; ban hành một số chuẩn mực kế toán công Việt Nam và các hướng dẫn trên cơ sở chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) và phù hợp với điều kiện trong nước trên cơ sở lộ trình đã được phê duyệt (hoạt động thuộc Đề án 9: Chuẩn mực kế toán công).

- Kết quả đầu ra chính: Lộ trình xây dựng chuẩn mực kế toán công, một số chuẩn mực và các hướng dẫn được xây dựng phù hợp với hoàn cảnh của VN, được công nhận và chấp nhận rộng rãi qua tham vấn trước khi ban hành. Chuẩn mực được áp dụng qua đào tạo và truyền thông rộng rãi cho các cán bộ KBNN và kế toán tại các đơn vị.

Hợp phần 4: Cải thiện các hệ thống nhằm ổn định tình hình tài khóa và quản lý rủi ro tài khóa (PI – 7, PI – 9)

- Để hiểu rõ về dự toán ngân sách và diễn giải thông tin ngân sách, Bộ Tài chính, Quốc hội và người dân cần nắm được những rủi ro cố hữu và những nguy cơ rủi ro về tài chính công bên cạnh các kế hoạch của Chính phủ nhằm quản lý những rủi ro đó nếu phát sinh. Chính vì vậy, điều quan trọng là phải đánh giá tổng thể một cách thường xuyên, chính xác và có hệ thống toàn bộ những rủi ro lớn ở các cấp khác nhau. Cải thiện về xác định và quản lý rủi ro sẽ giúp tránh được những cản trở trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực công do nhu cầu phải xử lý những áp lực và nhu cầu tài chính ngoài dự kiến. Cung cấp dịch vụ công là việc phức tạp và những biến động ngoài dự kiến về nguồn ngân sách có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất cung cấp dịch vụ.

- Hiện nay có trên 30 quỹ tài chính ngoài ngân sách ở trung ương đang thực hiện các chức năng của Chính phủ. Hai quỹ lớn có chi tiêu cao nhất là Quỹ bảo

hiểm xã hội và Quỹ bảo hiểm y tế. Trong giai đoạn 2007-2008, chỉ tiêu từ các quỹ ngoài ngân sách, chỉ được báo cáo ở khâu thực hiện, tương đương gần 8% tổng chỉ tiêu ngân sách. Mặc dù kế hoạch ngân sách, báo cáo tình hình thực hiện và báo cáo quyết toán cuối năm của các quỹ đó được nộp cho các bộ chủ quản (hoặc cơ quan chủ quản ở địa phương), báo cáo kiểm toán về các hoạt động quỹ đã được công bố, nhưng các quỹ tài chính đó chưa được đưa vào trong các văn bản dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hàng năm. Luật NSNN (2015) yêu cầu báo cáo cả trước và sau về tình hình hoạt động của các quỹ tài chính quản lý tập trung ở TW, như một phần của hồ sơ trình ngân sách tới cơ quan lập pháp. Tuy nhiên, thách thức vẫn còn thể hiện ở sự minh bạch và chiều sâu của thông tin báo cáo để giúp cơ quan lập pháp và nhân dân có thể nhìn được bức tranh toàn cảnh về thu chi trong ngân sách và ngoài ngân sách tại tất cả các hạng mục và đánh giá tình hình hoạt động của các quỹ.

- Chương trình này sẽ hỗ trợ xây dựng các loại báo cáo toàn diện khác nhau cho các đơn vị khác nhau, bao gồm DNNN, các quỹ tài chính, và quy trình thu thập dữ liệu kế toán cần thiết để đưa vào báo cáo tài chính của toàn bộ chính phủ, qua đó cung cấp được một bức tranh toàn diện về NSNN và tình hình tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc từng địa phương. Mục tiêu nhằm tạo điều kiện chủ động đánh giá rủi ro qua việc thích ứng với những thay đổi về hình thức sở hữu và quản lý trong các lĩnh vực mà Chính phủ có lợi ích và có trách nhiệm về mặt tài chính.

- Một số đơn vị, dưới sự chủ trì của Vụ NSNN, sẽ cùng phối hợp nhằm cải thiện về xác định và quản lý những rủi ro tài chính công tiềm năng ở cấp địa phương. Báo cáo tài chính hàng năm của địa phương hiện nay sẽ được cải thiện về chiều sâu để đưa ra bức tranh tổng thể ở tất cả các cấp địa phương về tất cả những loại rủi ro bao gồm cả rủi ro của các tổ chức thuộc sở hữu của khu vực công. Theo Luật Ngân sách (2015), báo cáo về những vấn đề này sẽ được thực hiện trước 31/12 hàng năm. Các kênh dữ liệu để cải thiện phân tích đó cũng sẽ được cải thiện để cho phép trình bày tổng thể và tạo cơ sở cho các quyết định về mức độ cho phép địa phương tự vay và vay lại nguồn vốn vay nước ngoài, điều tiết ngân quỹ của trung ương cho địa phương, ngăn ngừa nợ đọng, hợp lý hoá các chương trình tín dụng ưu đãi của tất cả các địa phương và của từng địa phương.

- Chương trình sẽ hỗ trợ xây dựng chiến lược đánh giá và quản lý rủi ro liên quan đến mọi hình thức rủi ro về tài chính công. Kết quả là báo cáo thường xuyên về rủi ro tài khoá tổng thể và các biện pháp đề xuất về quản lý rủi ro sẽ được lập và được sử dụng bởi các nhà hoạch định chính sách. Trong đó, Vụ NSNN sẽ sử dụng phân tích này để hỗ trợ lập Kế hoạch tài khoá trung hạn (MTFF). Các hoạt động hỗ trợ bao gồm phân tích rủi ro từ các chính sách chi tiêu khác nhau, khuyến nghị khả năng tái cơ cấu nhằm cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu, giảm thiểu rủi ro tài khoá và tăng cường bền vững tài khoá trong trung và dài hạn. Phân tích về quan hệ giữa tình hình và xu hướng bội chi ngân sách và rủi ro tài khoá cũng sẽ được thực hiện nhằm đề ra các biện pháp về giảm bội chi và nâng cao bền vững tài khoá.

Các hoạt động hỗ trợ bao gồm:

(1) Cải thiện hệ thống phân loại ngân sách và báo cáo quyết toán (hoạt động thuộc Đề án 6: Cải thiện mục lục NSNN).

- Kết quả đầu ra chính: báo cáo về tình hình hoạt động của các quỹ tài chính do TW quản lý tập trung, như một phần của hồ sơ ngân sách hàng năm giải trình nộp lên cơ quan lập pháp.

(2) Lập báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn bộ Chính phủ (hoạt động thuộc Đề án 10: Tổng kế toán).

- Kết quả đầu ra chính: Đưa các nội dung thu chi còn thiếu vào báo cáo tài chính và hợp nhất báo cáo với các đơn vị khác tại khu vực công.

(3) Thực hiện phân tích và xây dựng chiến lược về quản lý rủi ro tài khoá tổng thể cho toàn bộ nền tài chính công (hoạt động thuộc Đề án 13: Rủi ro tài khoá tổng thể).

- Kết quả đầu ra chính: Báo cáo định kỳ cho các nhà hoạch định chính sách về rủi ro tài khoá tổng thể cùng kiến nghị về các biện pháp quản lý những rủi ro đó.

(4) Lập báo cáo tổng hợp về tình hình tài chính DNNN, bao gồm cả phân tích rủi ro dự báo (hoạt động thuộc Đề án 11: Báo cáo hợp nhất tình hình và rủi ro tài chính của DNNN).

- Kết quả đầu ra chính: Toàn bộ các DNNN phải nộp báo cáo tài khoá cho chính quyền TW ít nhất sáu tháng một lần bên cạnh quyết toán được kiểm toán hàng năm.

(5) Xây dựng lộ trình và cơ chế quản lý nhằm tăng cường tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp (vì khi các đơn vị đó được tự chủ cao hơn, tình hình tài chính của các đơn vị đó phải được xem xét trong báo cáo và quản lý rủi ro) (hoạt động thuộc Đề án 5: Lộ trình tự chủ đơn vị HCSN).

- Kết quả đầu ra chính: Các đơn vị sự nghiệp công do TW quản lý được lựa chọn nộp báo cáo tài khoá bao gồm quyết toán được kiểm toán cho chính quyền TW ít nhất hàng năm.

(6) Xây dựng báo cáo tổng hợp về rủi ro phát sinh ở cấp địa phương cho các nhà hoạch định chính sách (hoạt động thuộc Đề án 12: Rủi ro tài khoá địa phương).

- Kết quả đầu ra chính: Báo cáo đánh giá và quản lý rủi ro (được sử dụng nội bộ) tổng hợp dựa trên việc cải thiện các kênh thông tin về: Trái phiếu chính phủ địa phương; vay mượn từ cân đối ngân quỹ của KBNN; cho vay lại từ các nguồn vay nước ngoài bao gồm ODA cho các địa phương; tình hình tài chính và vay nợ của các DNNN tại địa phương; nợ đọng xây dựng cơ bản; chương trình tín dụng ưu đãi; cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Hợp phần 5: Hỗ trợ và quản lý chương trình

Bao gồm các hoạt động hỗ trợ và quản lý Chương trình như: i) lập kế hoạch triển khai Chương trình (tổng thể, năm, quý,...) và điều phối tổng thể các hoạt động

của chương trình, hoạt động theo dõi và đánh giá tiến độ; ii) quản lý hành chính, bao gồm quản lý nhân sự, kế toán, kiểm toán, theo dõi, giám sát và báo cáo cả từ phía Chính phủ và các nhà tài trợ; và iii) tuyển dụng các dịch vụ tư vấn, mua sắm các đầu vào khác và quản lý hợp đồng,...

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Phương thức hỗ trợ:

- Các hoạt động HTKT trong Chương trình này được thực hiện dưới hình thức dịch vụ tư vấn, đào tạo, hội thảo, các hoạt động học hỏi kinh nghiệm qua đồng nghiệp tại Việt Nam và các quốc gia khác, đào tạo cho các cán bộ chủ chốt, bao gồm cả đào tạo trong công việc. Các hoạt động này sẽ được lên kế hoạch trên cơ sở cân nhắc về nhu cầu quản lý sự thay đổi phù hợp.

- Nguyên tắc hoạt động của Chương trình là theo định hướng kết quả và linh hoạt. Dự phòng của cả hai bên về công việc phát sinh bổ sung liên quan đến các nội dung mục tiêu chiến lược của Chương trình hiện đề ở mức khoảng gần 5% ngân sách hiện hành.

- Trong nhiều trường hợp, Chương trình đặt mục tiêu tạo giá trị gia tăng để bổ sung cho các hoạt động hiện hành từ phía Chính phủ. Để đạt được kết quả chung theo mục tiêu của cả hai bên, điều quan trọng là phải đảm bảo các hoạt động HTKT qua Chương trình phải có sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động cần thiết từ phía Chính phủ. Vấn đề này được làm rõ chi tiết hơn tại Khung theo dõi kết quả (tham khảo Phụ lục 1).

2. Hình thức quản lý Chương trình:

a) Về phía Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản đồng thời là chủ dự án trực tiếp quản lý Chương trình. Công tác tổ chức quản lý thực hiện Chương trình sẽ được Bộ Tài chính thực hiện tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, điều ước quốc tế cụ thể về ODA của Chương trình được ký kết với nhà tài trợ. Cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình AAA (Ban CĐCT), đây là cơ quan điều hành nhằm: (i) chỉ đạo chiến lược và thông qua kế hoạch triển khai hàng năm cho Chương trình AAA; (ii) đảm bảo sự phối hợp của các đơn vị và cơ quan liên quan; và (iii) giám sát và chỉ đạo chung Ban Quản lý chương trình. Trưởng Ban CĐCT là lãnh đạo Bộ Tài chính nhằm chỉ đạo về các nội dung trọng tâm chiến lược của Chương trình cũng như chỉ đạo phối hợp các chương trình hỗ trợ của các đối tác phát triển khác trong cùng lĩnh vực. Ban CĐCT họp hàng quý để thảo luận về tiến độ triển khai chương trình. WB và các đối tác phát triển tham gia vào Chương trình sẽ được mời tham dự họp hàng quý để thảo luận về tiến độ và các biện pháp nhằm giải quyết những trở ngại từ cả hai phía (nếu có). Trong trường hợp cần thiết, Ban CĐCT, WB và các đối tác phát triển có thể tổ chức họp hàng

tháng để đảm bảo quản lý hiệu quả Chương trình. Dự kiến Ban CĐCT sẽ có sự tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các Bộ, ngành liên quan khi cần.

- Bộ Tài chính thành lập Ban Quản lý Chương trình (Ban QLCT) với đội ngũ cán bộ đầy đủ về số lượng và chất lượng, có trình độ và kinh nghiệm để giúp cho Bộ Tài chính trong việc quản lý, điều phối và tổ chức triển khai Chương trình. Chức năng nhiệm vụ của Ban QLCT sẽ tuân thủ theo các quy định hiện hành về quản lý ODA.

Cơ cấu dự kiến của Ban QLCT bao gồm: (i) Giám đốc Ban QLCT là Chánh Văn phòng Bộ Tài chính; (ii) một Phó Giám đốc làm việc chuyên trách; (iii) một Kế toán trưởng làm việc chuyên trách; (iv) một số cán bộ từ Vụ HTQT, các đơn vị quản lý liên quan và đơn vị thụ hưởng Chương trình làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Ngoài ra, Ban QLCT sẽ nhận được sự hỗ trợ của các tư vấn trong nước và các chức danh khác được tuyển dụng theo quy định, bao gồm: cán bộ theo dõi và đánh giá, chuyên gia mua sắm, chuyên gia quản lý tài chính, phiên dịch và trợ lý hành chính... Ban QLCT sẽ thực hiện các chức năng quản lý Chương trình chung như quản lý hành chính, kế toán, tài chính, quản lý hợp đồng/mua sắm đấu thầu, giải ngân cho các đơn vị thụ hưởng và hỗ trợ triển khai thực hiện hoạt động khi được yêu cầu. Ban QLCT sẽ quản lý các đầu vào hỗ trợ kỹ thuật theo các quy định của Chính phủ và WB.

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý Chương trình được quy định cụ thể tại Quyết định thành lập và Quy chế tổ chức hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Do tính chất xuyên suốt của mục tiêu cải cách QLTTCC trong Bộ Tài chính và sự liên quan đến các cơ quan khác của Chính phủ, Ban QLCT cần đảm bảo điều phối hiệu quả giữa các đơn vị liên quan và triển khai ổn định những hoạt động cải cách phức tạp đồng thời xin ý kiến chỉ đạo kịp thời từ Ban CĐCT nếu cần. Cụ thể, Ban QLCT sẽ thực hiện: i) lập kế hoạch triển khai Chương trình tổng thể và điều phối tổng thể các hoạt động của Chương trình, bao gồm cả hoạt động theo dõi và đánh giá tiến độ; ii) quản lý hành chính, bao gồm quản lý nhân sự, kế toán, nhu cầu theo dõi và báo cáo cả từ phía Chính phủ và các nhà tài trợ; và iii) tuyển dụng các dịch vụ tư vấn, mua sắm các đầu vào khác và quản lý hợp đồng.

- Bộ Tài chính giao các đơn vị thụ hưởng Chương trình chịu trách nhiệm chủ trì, với sự phối hợp của Ban QLCT triển khai thực hiện các hoạt động HTKT nằm trong kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình, đảm bảo hoạt động được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, đồng thời lập báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) gửi Ban QLCT để tổng hợp phục vụ cho công tác theo dõi giám sát và báo cáo. Chuyên gia, dịch vụ, hàng hóa được Chương trình cung cấp sẽ giao cho đơn vị thụ hưởng Chương trình chịu trách nhiệm sử dụng theo quy định tại hợp đồng, pháp luật của Việt Nam và quy định của nhà tài trợ.

Việc triển khai các hoạt động HTKT của Chương trình được coi là nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị thụ hưởng và gắn với kế hoạch công tác hàng năm của từng đơn vị. Lãnh đạo các đơn vị căn cứ vào kế hoạch công tác hàng năm, căn cứ vào kế

hoạch chung của Chương trình, sẽ chủ trì phối hợp với Ban QLCT, nhà tài trợ và các chuyên gia tư vấn xây dựng kế hoạch chi tiết đối với từng hoạt động thuộc phạm vi của đơn vị tiến hành thực hiện các hoạt động theo kế hoạch, đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành của pháp luật, Bộ Tài chính và nhà tài trợ.

b) Về phía WB và các nhà tài trợ:

- WB sẽ liên hệ thường xuyên với Ban QLCT để đảm bảo chất lượng quản lý đầu vào qua phối hợp chặt chẽ với (các) đối tác phát triển có đóng góp cho Chương trình đồng thời để thảo luận về tiến độ của từng hoạt động và việc hoàn thành các đầu ra được xác định. Nhóm kỹ thuật chủ chốt của WB sẽ phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát và hỗ trợ triển khai phần vốn tài trợ do Bộ Tài chính quản lý trực tiếp và quản lý phần vốn do WB quản lý.

- WB cũng đóng vai trò quản lý việc huy động nhóm tư vấn quốc tế, và trong các trường hợp cụ thể cả các đầu vào hỗ trợ kỹ thuật khác, nhằm bổ sung cho các hoạt động khác do Chính phủ Việt Nam thực hiện. Nhóm tư vấn quốc tế này bao gồm một Trưởng Cố vấn kỹ thuật (CTA), các tư vấn chính dự kiến sẽ tham gia dài hạn hơn trong các nội dung trọng tâm và các chuyên gia quốc tế khác nếu cần. Việc triển khai các đầu vào tư vấn sẽ được thực hiện trên cơ sở linh hoạt tối đa. Các thủ tục tuyển dụng sẽ được hài hòa và dịch vụ tư vấn diễn ra liên tục, do vậy hình thức huy động tư vấn qua một hợp đồng khung để sẵn sàng sử dụng nếu cần có thể được xem xét.

c) Cơ chế phối hợp giữa các bên:

- Về phối hợp giữa Bộ Tài chính với WB và các đối tác phát triển khác: Để đảm bảo điều phối hiệu quả các đầu vào tư vấn được cả Chính phủ và đối tác phát triển quản lý, Điều khoản giao việc (TOR) cho tư vấn trong nước và quốc tế sẽ được hai bên cùng lập và cơ chế tham vấn hai chiều sẽ được áp dụng. Theo cách đó, việc bổ nhiệm tư vấn quốc tế sẽ được WB thống nhất trước với Bộ Tài chính, và ngược lại, việc bổ nhiệm tư vấn trong nước sẽ được thông qua trước trên cơ sở thư 'không phản đối' bởi WB với sự hỗ trợ của Trưởng Cố vấn kỹ thuật (CTA) và các tư vấn chính nếu cần.

Bộ Tài chính, WB và các nhà tài trợ sẽ phối hợp một cách hiệu quả và thông suốt trong việc lập kế hoạch triển khai (IP), phối hợp với các đầu vào tư vấn, thực hiện các hoạt động phân tích, theo dõi, đánh giá và các hoạt động HTKT khác. Kế hoạch triển khai (IP) cần được gửi WB trước ngày 15 tháng 11 cho năm tiếp theo. WB cần xem xét và trên cơ sở thông tin đầy đủ do Ban QLCT cung cấp, sẽ ban hành thư “không phản đối” cho Kế hoạch triển khai (IP) trước ngày 31 tháng 12. Việc bổ nhiệm tư vấn quốc tế và trong nước của WB và Bộ Tài chính sẽ được thống nhất với nhau. Các hoạt động phân tích sẽ được thực hiện theo hướng phối hợp nếu có thể. Các hoạt động theo dõi và đánh giá của cả hai bên sẽ được duy trì hàng ngày cùng với hoạt động hỗ trợ triển khai và giám sát định kỳ. Toàn bộ các hoạt động khác cần được WB xem xét theo các quy định và thủ tục của WB.

- Sau khi Chương trình được phê duyệt, Bộ Tài chính sẽ phê duyệt và ban hành, với sự chấp thuận của WB, Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình, nhằm

đưa ra các hướng dẫn chi tiết về cơ chế thực hiện và phối hợp cho Ban CĐTC, Ban QLCT, các cơ quan, đơn vị thụ hưởng hỗ trợ từ Chương trình AAA, các cơ quan quản lý, Bộ Tài chính và các nhà tài trợ trong suốt quá trình thực hiện Chương trình, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của WB, tối đa hóa hiệu quả của nguồn tài trợ.

- Về phối hợp giữa các đơn vị và các cơ quan liên quan: Do tính chất xuyên suốt của mục tiêu cải cách QLTTCC trong Bộ Tài chính và tại các cơ quan khác của Chính phủ, yếu tố căn bản để đảm bảo sự thành công của chương trình AAA là: (i) sự chỉ đạo kịp thời từ phía lãnh đạo Bộ Tài chính nhằm đảm bảo sự phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan liên quan (như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quốc hội, các bộ ngành và địa phương liên quan) và việc phân giao các nhiệm vụ/hoạt động để hoàn thành kết quả dự kiến; và (ii) Bộ Tài chính, Ban CĐTC và Ban QLCT cần đảm bảo điều phối hiệu quả các đơn vị và cơ quan liên quan nhằm triển khai nhịp nhàng những cải cách phức tạp, đồng thời xin ý kiến chỉ đạo kịp thời từ phía lãnh đạo Bộ Tài chính, tham vấn chặt chẽ và kịp thời các bộ ngành liên quan khi cần.

- Về phối hợp trong nội bộ nhà tài trợ cũng hết sức quan trọng để đảm bảo huy động hiệu quả và điều phối nhịp nhàng giữa nhóm nhiệm vụ của WB, Trưởng Cố vấn kỹ thuật (CTA) và các tư vấn chính. Việc phân công trách nhiệm giữa các bên được làm rõ trong Phụ lục số 3.

3. Cơ chế giải ngân và quản lý tài chính:

- Vốn ODA của Chương trình được chia thành hai phần: phần vốn do WB quản lý và phần vốn do Bộ Tài chính quản lý trực tiếp

- Bộ Tài chính có trách nhiệm quản lý toàn diện và hiệu quả phần vốn ODA Bộ Tài chính trực tiếp quản lý. Cơ chế quản lý tài chính và giải ngân phần vốn ODA của Chương trình do Bộ Tài chính quản lý sẽ thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam và của WB. Công tác quản lý tài chính đối với phần vốn ODA của Chương trình AAA do Bộ Tài chính quản lý được thực hiện theo quy định tại Thông tư 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác. WB sẽ quản lý vốn ODA thông qua các hoạt động thẩm định, giám sát và các công tác tư vấn kiến thức và kinh nghiệm.

- WB có trách nhiệm quản lý toàn diện và hiệu quả phần vốn ODA do WB quản lý. Cơ chế quản lý tài chính và giải ngân phần vốn ODA của Chương trình do WB quản lý sẽ thực hiện theo quy định hiện hành của WB. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với WB sử dụng hiệu quả phần vốn ODA do WB quản lý.

- Bộ Tài chính sẽ phê duyệt và ban hành (với sự chấp thuận của WB) Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình - POM. Đây là tài liệu hướng dẫn, quy định việc thực hiện, tổ chức, quản lý hành chính, giám sát và đánh giá, quản lý tài chính, giải ngân, tổ chức đấu thầu nhằm mục đích thực hiện Chương trình AAA. Tài liệu có thể được sửa đổi theo thời gian, trên cơ sở văn bản đồng ý của WB.

- Ban QLCT sẽ mở một tài khoản ngoại tệ (bằng đồng USD) chuyên dùng tại ngân hàng thương mại theo các điều khoản và điều kiện phù hợp với qui định của WB và của Chính phủ Việt Nam để tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ODA tài trợ của Chương trình. Đồng thời, Ban QLCT sẽ mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để quản lý phân vốn đối ứng của Chương trình.

- Vốn đối ứng của Chương trình sẽ thực hiện theo qui định hiện hành của Chính phủ Việt Nam. Vốn đối ứng được cấp theo quy trình lập, phê duyệt và giao kế hoạch tài chính cho Chương trình theo quy định tại các văn bản hướng dẫn lập dự toán NSNN hàng năm của Bộ Tài chính.

- Định mức chi tiêu áp dụng đối với Chương trình:

- + Đối với kinh phí ODA: thực hiện theo quy định của WB và của Chính phủ Việt Nam. Định mức chi tiêu áp dụng đối với Chương trình được quy định cụ thể tại “Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình” - POM.

- + Đối với kinh phí đối ứng: thực hiện theo Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ, Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 219/2009/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế khác.

4. Cơ chế mua sắm, đấu thầu:

- Hoạt động mua sắm đấu thầu cho các hợp đồng sử dụng vốn tài trợ trong Chương trình sẽ được thực hiện theo "Hướng dẫn: Mua sắm đấu thầu áp dụng cho hàng hóa và dịch vụ ngoài tư vấn sử dụng vốn tín dụng IDA và vốn vay IBRD & viện trợ không hoàn lại của Bên vay Ngân hàng Thế giới" tháng 1/2011, được sửa đổi tháng 07/2014 ("Hướng dẫn mua sắm đấu thầu") và "Hướng dẫn lựa chọn và tuyển dụng tư vấn sử dụng vốn tín dụng IDA và vốn vay IBRD của Bên vay Ngân hàng Thế giới" tháng 1/2011 được sửa đổi tháng 7/2014 ("Hướng dẫn về tư vấn"). Đồng thời thực hiện tuân thủ theo cả các quy định hiện hành về đấu thầu của Chính phủ Việt Nam (Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện) và quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp Thỏa thuận tài trợ Chương trình có quy định về lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Luật đấu thầu thì áp dụng theo quy định của Thỏa thuận tài trợ Chương trình.

- Đối với các khoản mua sắm đấu thầu cho các hợp đồng sử dụng nguồn vốn đối ứng của Chính phủ, việc mua sắm sẽ thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam và của Bộ Tài chính.

- Kế hoạch mua sắm đấu thầu: Đối với mỗi hợp đồng sử dụng vốn tài trợ, các phương pháp mua sắm hoặc phương pháp lựa chọn tư vấn phù hợp, dự toán kinh phí và yêu cầu xem xét và khung thời gian phải được thống nhất giữa Bộ Tài chính và WB trong Kế hoạch mua sắm đấu thầu. Kế hoạch mua sắm đấu thầu sẽ được cập nhật ít nhất hàng năm hoặc theo yêu cầu nhằm phản ánh nhu cầu triển khai thực tế. Kế hoạch mua sắm đấu thầu và các bản cập nhật hoặc sửa đổi sẽ phải được WB tiền

kiểm và không phản đối. Cán bộ WB sẽ công khai kế hoạch mua sắm đấu thầu đã được thống nhất và các bản cập nhật trên trang điện tử công khai của WB. Ban QLCT sẽ công khai các văn bản mua sắm đấu thầu trên Hệ thống đấu thầu điện tử quốc gia của Việt Nam (muasamcong.mpi.gov.vn).

5. Cơ chế kiểm toán, quyết toán:

- Việc kiểm toán, quyết toán Chương trình được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Thỏa thuận/Hiệp định tài trợ của Chương trình AAA được ký giữa Chính phủ Việt Nam và WB.

- Báo cáo tài chính hàng năm của Chương trình sẽ được kiểm toán theo quy định của WB bởi các kiểm toán viên độc lập có Điều khoản giao việc (TOR) được Bộ Tài chính và WB chấp nhận. Mục đích của kiểm toán nhằm: (i) Kiểm tra độc lập tính trung thực và chính xác của các thông tin tài chính của Chương trình trong Báo cáo tài chính đã đệ trình lên WB và Chính phủ; (ii) Kiểm tra tính tuân thủ của công tác quản lý tài chính Chương trình so với quy trình, thủ tục do WB và Chính phủ Việt Nam quy định; tính tuân thủ trong công tác đấu thầu mua sắm theo thủ tục của WB, Chính phủ Việt Nam và Bộ Tài chính; (iii) Xác định các lĩnh vực cần tập trung để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, mua sắm đấu thầu và đưa ra các khuyến nghị về điều chỉnh cho phù hợp.

- Báo cáo tài chính được kiểm toán và báo cáo kiểm toán được gửi cho WB, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định trong vòng sáu tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Ban QLCT chịu trách nhiệm tổ chức kiểm toán và chi phí kiểm toán được chi trả bằng vốn viện trợ không hoàn lại thuộc phần vốn do Bộ Tài chính quản lý.

- Việc quyết toán Chương trình thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

IX. TỔNG VỐN CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

1. Tổng vốn của Chương trình: 6.270.000 USD, tương đương 137.958.000.000 VNĐ, trong đó:

- Vốn ODA không hoàn lại: 5.670.000 USD, tương đương 124.757.000.000 VNĐ.

- Vốn đối ứng: 600.000USD, tương đương 13.201.000.000VNĐ.

Bộ Tài chính cân đối trong dự toán chi hành chính sự nghiệp hàng năm của Bộ theo quy định của Luật NSNN hiện hành. Vốn đối ứng được cấp phát bằng tiền mặt 13,201 tỷ VNĐ và được thực hiện chi theo quy định hiện hành trong nước.

(Tỷ giá 01 USD = 22.003 VNĐ, Áp dụng theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 11/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ cấu phân bổ vốn ODA:

- Vốn ODA để thực hiện Chương trình được sử dụng cho các khoản chi phí gồm: chuyên gia (quốc tế và trong nước); tổ chức hội thảo, đào tạo, tập huấn, khảo sát trong và ngoài nước, các hoạt động hỗ trợ chung (tăng cường năng lực quản lý dự án, truyền thông, kiểm toán, phần mềm kế toán, đánh giá dự án), tư vấn hỗ trợ quản lý dự án và các chi phí vận hành khác (ngoài các chi phí vận hành đã được bố trí từ nguồn vốn đối ứng theo quy định trong nước) trong mức dự toán thỏa thuận với WB dành cho mục này.

- Vốn ODA không hoàn lại được chia thành 2 phần:

(1) Phần vốn do Chính phủ (Bộ Tài chính) trực tiếp quản lý là 3.000.666 USD (chiếm khoảng 53% tổng kinh phí tài trợ), được sử dụng cho các khoản chi phí về tư vấn trong nước, hội nghị, hội thảo, đào tạo, một phần chi quản lý và hỗ trợ hoạt động...

(2) Phần vốn do WB quản lý là 2.669.334 USD (chiếm khoảng 47% tổng kinh phí tài trợ), được sử dụng cho các khoản chi phí về tư vấn quốc tế và những đầu vào HTKT khác (trong các trường hợp đặc biệt) nhằm bổ sung cho các hoạt động do Chính phủ Việt Nam thực hiện.

- Cơ cấu phân bổ vốn ODA theo hợp phần:

Các hợp phần	Số tiền (USD)	Tỷ lệ % tổng số
Hợp phần 1: Cải thiện sự gắn kết giữa kế hoạch và ngân sách	671.818	11,9%
Hợp phần 2: Cải thiện hiệu quả kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách	705.562	12,4%
Hợp phần 3: Cải thiện về năng lực tạo lập và cung cấp thông tin tài chính chất lượng cao	1.638.176	28,9%
Hợp phần 4: Cải thiện các hệ thống nhằm ổn định tình hình tài khóa và quản lý rủi ro tài khóa	1.172.561	20,7%
Hợp phần: Hỗ trợ và quản lý Chương trình		
- <i>Lập kế hoạch chiến lược và theo dõi (Trường Cổ vấn Kỹ thuật) (CTA)</i>	345.827	6,1%
- <i>Đánh giá PEFA lặp lại</i>	139.469	2,5%
- <i>Các hoạt động chung</i>	103.000	1,8%
- <i>Quản lý Chương trình</i>	622.720	11%
Dự phòng	270.867	4,8%
Tổng	5.670.000	100%

- Kế hoạch giải ngân vốn ODA:

Đơn vị tính: USD						
	2016	2017	2018	2019	2020	TỔNG
TỔNG	930,865	2,140,135	1,325,703	680,677	592,620	5,670,000
Tư vấn	579,585	1,175,720	710,083	363,359	280,432	3,109,179
- <i>Tư vấn quốc tế</i>	389,291	754,246	446,367	248,351	201,360	2,039,615
- <i>Tư vấn trong nước</i>	190,294	421,474	263,716	115,008	79,072	1,069,564
Đào tạo, hội thảo, khảo sát,...	113,460	674,291	359,159	113,650	83,840	

						1,344,400
Khác	40,125	68,013	51,413	27,494	32,791	219,834
Các hoạt động chung	50,500	8,000	18,500	8,000	18,000	103,000
Quản lý Chương trình	102,000	112,200	123,420	135,762	149,338	622,720
Dự phòng	45,194	101,911	63,129	32,413	28,220	270,867
Vốn tài trợ do WB quản lý	779,132	853,038	512,169	289,637	235,358	2,669,334
Tư vấn						
- Tư vấn quốc tế	389,291	754,246	446,367	248,351	201,360	2,039,615
- Tư vấn trong nước	190,294	-	-	-	-	190,294
Đào tạo, hội thảo, khảo sát,...	121,782	-	-	-	-	121,782
Khác	40,125	58,013	41,413	27,494	22,791	189,834
Các hoạt động chung	-	-	-	-	-	-
Quản lý Chương trình	-	-	-	-	-	-
Dự phòng	37,640	40,779	24,389	13,792	11,208	127,808
Vốn tài trợ do Bộ Tài chính quản lý	160,054	1,278,776	813,534	391,041	357,263	3,000,666
Tư vấn						
- Tư vấn quốc tế	-	-	-	-	-	-
- Tư vấn trong nước	-	421,474	263,716	115,008	79,072	879,269
Đào tạo, hội thảo, khảo sát,...	-	665,970	359,159	113,650	83,840	1,222,618
Khác		10,000	10,000		10,000	30,000
Các hoạt động chung	50,500	8,000	18,500	8,000	18,000	103,000
Quản lý Chương trình	102,000	112,200	123,420	135,762	149,338	622,720
Dự phòng	7,554	61,132	38,740	18,621	17,013	143,059

- Cơ cấu phân bổ vốn ODA theo hoạt động:

Các hoạt động	Số tiền (US\$)	Tỷ lệ % tổng số
Tư vấn quốc tế	2.149.615	37,9%
Tư vấn trong nước	959.564	16,9%
Đào tạo, hội thảo, khảo sát, phổ biến kiến thức,...	1.344.400	23,7%
Các hoạt động khác	219.834	3,9%
Các hoạt động chung	103.000	1,8%
Quản lý Chương trình	622.720	11%
Dự phòng	270.867	4,8%
Tổng	5.670.000	100%

3. Cơ cấu phân bổ vốn đối ứng:

Vốn đối ứng để chuẩn bị thực hiện và thực hiện Chương trình, được sử dụng cho các khoản chi phí gồm: (1) Chi phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình (phụ cấp cho các thành viên Ban Chỉ đạo, phương tiện làm việc và các chi phí hoạt động khác theo quy định); (2) Chi phí hoạt động của Ban Quản lý Chương trình (thuê văn phòng làm việc, điện, nước, thông tin liên lạc, phương tiện và trang thiết bị làm việc của Ban QLCT, lương, thưởng, phụ cấp cho các cán bộ của Ban QLCT, các chi phí hành chính); (3) Các chi phí khác theo quy định trong nước.

- Phân bổ vốn đối ứng theo hoạt động:

Nội dung	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ % tổng số
Lương, phụ cấp	5.300	40,1%
Văn phòng làm việc	2.900	22%
Chi thường xuyên (điện, nước, thông tin, liên lạc,...)	2.800	21,2%
Trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ văn phòng, bảo dưỡng phục vụ hoạt động của Ban QLCT (máy tính để bàn, máy in, máy photo, điện thoại, bàn ghế làm việc, tủ,... và bảo dưỡng trang thiết bị)	1.000	7,6%
Các hoạt động khác	550	4,2%
Dự phòng	651	4,9%
Tổng	13.201	100%

- Kế hoạch giải ngân vốn đối ứng:

Đơn vị: triệu VND

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
Lương, phụ cấp	700	1.100	1.100	1.200	1.200	5.300
Văn phòng làm việc	500	600	600	600	600	2.900
Chi thường xuyên	400	600	600	600	600	2.800
Trang thiết bị, phương tiện làm việc	400	300	100	100	100	1.000
Hoạt động khác	110	110	110	110	110	550
Dự phòng	120	120	120	120	171	651
Tổng	2.210	2.810	2.510	2.510	2.681	13.201

X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH:

1. Vốn ODA: NSNN cấp phát

2. Vốn đối ứng: được bố trí trong dự toán chi hành chính sự nghiệp hàng năm của Bộ Tài chính.

XI. PHÂN TÍCH VỀ HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội của chương trình:

Chương trình dự kiến nhằm đem lại tác động lớn về khả năng các hệ thống quản lý tài chính công của Việt Nam có vai trò tích cực hơn nữa trong việc hỗ trợ cải thiện hiệu suất và hiệu quả chi tiêu công dựa trên các mục tiêu chiến lược của Chính phủ. Cụ thể là cải thiện trong 4 lĩnh vực chính mà so sánh theo chuẩn mực quốc tế cho thấy những cải thiện về thông lệ và hệ thống có thể đem lại hiệu quả cao nhất và đồng thời hỗ trợ nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình của những người lập dự toán, quản lý và thực hiện chi tiêu công ở tất cả các cấp.

2. Tính bền vững của Chương trình sau khi kết thúc:

- Bền vững về mặt thể chế: Mục tiêu và nội dung của Chương trình nhằm hỗ trợ hoàn thiện khuôn khổ thể chế về QLTCC, phù hợp với Chiến lược phát triển ngành tài chính đến 2020. Đây là một trong những yếu tố căn bản để Chương trình triển khai thành công nhằm mang lại các kết quả trong QLTCC theo hướng tăng cường hiệu suất, hiệu quả, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình và cũng là yếu tố quan trọng đảm bảo tính bền vững cho những kết quả đạt được của Chương trình trong tương lai.

- Bền vững về mặt con người: ngoài hỗ trợ hoàn thiện khuôn khổ thể chế về QLTCC, mục tiêu quan trọng của Chương trình là hỗ trợ nâng cao năng lực về QLTCC. Thông qua các hoạt động đào tạo, hoạt động triển khai của dự án, nhận thức, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ nghiệp vụ, quản lý dự án của ngành tài chính và các cơ quan liên quan sẽ được nâng lên. Vì vậy có thể thấy rằng kết quả của Chương trình sẽ bền vững xét từ khía cạnh nguồn nhân lực để tiếp tục duy trì phát huy các kết quả này sau khi Chương trình kết thúc.